

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**  
**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN**  
**LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**ĐỀ TÀI**

**QUÁ TRÌNH ĐẢNG GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT VỚI PHÁP TRƯỚC  
KHI QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN  
QUỐC (12/1946) VÀ KINH NGHIỆM ĐƯỢC VẬN DỤNG TRONG QUÁ  
TRÌNH XÂY DỰNG, BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY**

**GVHD:** TS. Đào Thị Bích Hồng

**SVTH:** Nhóm 07 – DT02 – 243

STT	MSSV	Họ và tên
1	2312539	Phạm Bảo Như
2	2310676	Nguyễn Thành Đạt
3	2313492	Nguyễn Thanh Toàn
4	1852790	Nguyễn Văn Tiến
5	2433178	Nguyễn Văn Phúc Nguyên
6	2313134	Nguyễn Xuân Thành
7	2213832	Nguyễn Xuân Tuyền
8	2313946	Phạm Công Võ
9	2213984	Phạm Kỳ Vĩ



### DANH SÁCH THÀNH VIÊN

STT	MSSV	Họ và tên	Nhiệm vụ	Đóng góp	Chữ kí
1	2312539	Phạm Bảo Như	Chương 1, tổng hợp	105%	
2	2310676	Nguyễn Thành Đạt	3.1, 3.2	103%	
3	2313492	Nguyễn Thanh Toàn	Chương 2	105%	
4	1852790	Nguyễn Văn Tiến	Chương 1	70%	
5	2433178	Nguyễn Văn Phúc Nguyên	3.3, tiểu kết chương 3	103%	
6	2313134	Nguyễn Xuân Thành	3.3, tiểu kết chương 3	103%	
7	2213832	Nguyễn Xuân Tuyền	Chương 1, kết luận, tổng hợp	105%	
8	2313946	Phạm Công Võ	3.1, 3.2	103%	
9	2213984	Phạm Kỳ Vĩ	Chương 2	103%	

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>4</b>
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI .....	4
2. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI .....	4
<b>PHẦN NỘI DUNG .....</b>	<b>6</b>
<b>CHƯƠNG 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG HIẾU CHIẾN CỦA THỰC DÂN PHÁP .....</b>	<b>6</b>
1.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.....	6
1.2. Những hành động hiếu chiến của Pháp từ 9/1945 đến 12/1946.....	4
<b>CHƯƠNG 2. QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP – SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM....</b>	<b>10</b>
2.1. Quá trình Đảng giải quyết xung đột với Pháp và quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc .....	10
2.2. Nội dung và giá trị của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp.....	14
<b>CHƯƠNG 3. KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT VỚI PHÁP TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA ĐẢNG VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI THỰC TIỄN HIỆN NAY .....</b>	<b>20</b>
3.1. Kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng giải quyết xung đột với pháp trước khi quyết định phát động kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp.....	20
3.2. Giá trị đối với thực tiễn trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay .....	22
3.3. Giá trị đối với sinh viên trong xác định nhiệm vụ cần thực hiện .....	34
<b>PHẦN KẾT LUẬN .....</b>	<b>41</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>43</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Giai đoạn 1945–1946 là thời điểm bản lề, mang tính sống còn đối với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đánh dấu bước chuyển mình từ ách thống trị thực dân, phong kiến sang kỷ nguyên độc lập dân tộc. Tuy nhiên, chính quyền cách mạng còn non trẻ ngay lập tức phải đối mặt với muôn vàn khó khăn: nội bộ đất nước chưa ổn định, đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn, cùng lúc chịu sự đe dọa từ nhiều phía như thực dân Pháp âm mưu quay trở lại xâm lược, quân Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc và các thế lực phản động trong nước.

Trước tình hình đó, Đảng ta đã lựa chọn sách lược mềm dẻo, chủ trương giải quyết xung đột với Pháp bằng con đường đàm phán, nhằm tranh thủ thời gian, củng cố lực lượng, tránh tình trạng "một cổ hai tròng" khi điều kiện chưa cho phép tiến hành đấu tranh vũ trang. Tuy nhiên, khi thiện chí hòa bình bị đáp lại bằng những hành động ngày càng lấn lướt, trắng trợn từ phía thực dân Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh buộc phải đưa ra quyết định lịch sử: phát động toàn quốc kháng chiến vào tháng 12 năm 1946. Lời kêu gọi kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ tinh thần yêu chuộng hòa bình, song cũng khẳng định quyết tâm sắt đá bảo vệ độc lập, chủ quyền của dân tộc.

Việc nghiên cứu quá trình Đảng giải quyết xung đột với Pháp trước kháng chiến không chỉ giúp làm rõ bản lĩnh chính trị, tầm nhìn chiến lược và tính nhân văn trong đường lối cách mạng của Đảng, mà còn mang ý nghĩa to lớn trong bối cảnh hiện nay. Trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, việc kiên định đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ; biết mềm dẻo trong sách lược nhưng kiên quyết trong nguyên tắc là những bài học quý báu cần được kế thừa và vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chính vì vậy, nhóm chúng tôi lựa chọn đề tài: “Quá trình Đảng giải quyết xung đột với Pháp trước khi quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc (12/1946) và kinh nghiệm được vận dụng trong quá trình xây dựng, bảo vệ đất nước hiện nay” nhằm góp phần nhận diện rõ hơn bản chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng thời rút ra những bài học thực tiễn có giá trị cho công cuộc phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

### 2. Nhiệm vụ của đề tài

*Một là*, làm rõ bối cảnh lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, những hành động hiếu chiến của thực dân Pháp.

*Hai là*, làm rõ quá trình Đảng từng bước giải quyết xung đột với Pháp trước khi quyết định phát động kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (19/12/1946).



*Ba là*, làm rõ những kinh nghiệm rút ra từ quá trình giải quyết xung đột với Pháp trước khi quyết định phát động kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của Đảng và giá trị đối với thực tiễn hiện nay.

## PHẦN NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1.

## **BỐI CẢNH LỊCH SỬ VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG HIẾU CHIẾN CỦA THỰC DÂN PHÁP**

### **1.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám**

#### ***1.1.1. Bối cảnh thế giới***

Thời điểm Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi tại Việt Nam cũng là lúc tình hình thế giới và khu vực đang diễn ra những biến đổi sâu sắc, phức tạp và có ảnh hưởng lớn đến tiến trình phát triển của các dân tộc. Trên toàn cầu, hàng loạt chuyển dịch về cấu trúc chính trị, tương quan lực lượng giữa các quốc gia, sự phân hóa về ý thức hệ và xu thế bùng nổ các phong trào giải phóng dân tộc đã tạo nên một bối cảnh quốc tế đầy biến động. Cách mạng Việt Nam, khi đứng lên giành chính quyền, đã ra đời trong một không gian thế giới như vậy: nhiều cơ hội nhưng cũng đầy rẫy nguy cơ và thử thách.

Một trong những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới lúc này là sự phân cực rõ nét giữa hai hệ tư tưởng: chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông, Trung Âu, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội.

<sup>1</sup> Trong khoảng thời gian ngắn, một loạt nước trong khu vực này đã thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, xây dựng nhà nước kiểu mới dựa trên liên minh công – nông, dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản. Sự lan rộng của chủ nghĩa xã hội trở thành một xu thế lớn trong đời sống chính trị toàn cầu.

Cùng với đó, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bùng nổ mạnh mẽ ở nhiều khu vực, đặc biệt là ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh – nơi tập trung đông đảo các quốc gia thuộc địa và phụ thuộc. Các dân tộc từng bị áp bức lâu dài bắt đầu ý thức sâu sắc hơn về quyền dân tộc tự quyết, khát vọng độc lập, tự do, và không còn chấp nhận sự cai trị của chủ nghĩa thực dân. Nhiều quốc gia đã đứng lên giành chính quyền hoặc khởi đầu những cuộc đấu tranh bền bỉ, lâu dài nhằm xóa bỏ ách thống trị từ các cường quốc. Đây là thời kỳ đánh dấu sự sụp đổ từng bước của hệ thống thuộc địa cổ điển và sự ra đời của hàng loạt nhà nước độc lập mới.

Tuy nhiên, trong khi các dân tộc nổi dậy vì tự do, thì ở chiều ngược lại, phe đế quốc chủ nghĩa vẫn ra sức tìm cách duy trì hoặc tái thiết lập quyền kiểm soát đối với các vùng đất vốn từng là thuộc địa của mình. Các thế lực này không từ bỏ tham vọng thống trị mà trái lại, bằng nhiều thủ đoạn – cả chính trị, quân sự và kinh tế – đã tìm cách đàn áp các phong trào

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn Kiện Đại Hội Đảng Thời Kỳ Đổi Mới Phần I, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, Tr 128.

cách mạng, bóp nghẹt những chính quyền mới thành lập, chia rẽ và tranh giành ảnh hưởng ở các khu vực chiến lược.

Phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn không có nước nào ủng hộ các trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài.<sup>1</sup>

Một hệ quả khác của bối cảnh này là việc hình thành các liên minh quốc tế đối lập nhau. Tại các khu vực trọng điểm, cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc thường dẫn đến sự chia rẽ sâu sắc. Những nước chọn đi theo con đường độc lập dân tộc và không đứng về phe nào, đôi khi cũng phải chịu sức ép từ cả hai phía. Trong khi đó, các thế lực đế quốc luôn tìm cách hỗ trợ lực lượng thân mình tại các nước đang phát triển, làm gia tăng nguy cơ nội chiến, đảo chính hoặc bất ổn kéo dài. Nhiều nơi trên thế giới rơi vào cảnh xung đột liên miên, mà nguyên nhân sâu xa chính là sự can thiệp của các nước lớn dưới danh nghĩa “bảo vệ trật tự”, nhưng thực chất là để giữ gìn hoặc mở rộng ảnh hưởng.

Đáng lưu ý, dù tồn tại tổ chức Liên Hợp Quốc – được lập ra với mục tiêu duy trì hòa bình và an ninh toàn cầu – nhưng trong giai đoạn này, tổ chức này vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các nước sáng lập và đặc quyền của các nước lớn. Sự bất bình đẳng trong cơ cấu quyền lực của tổ chức quốc tế này khiến nhiều tiếng nói từ các nước nhỏ, mới độc lập, không có cơ hội được lắng nghe đúng mức. Việc các quốc gia non trẻ bị gạt ra ngoài các thể chế quốc tế cũng khiến họ dễ rơi vào tình trạng bị bao vây về ngoại giao, kinh tế và truyền thông.

Trong toàn bộ bối cảnh ấy, có thể thấy thế giới đang trải qua một thời kỳ chuyển tiếp đầy kịch tính. Một mặt, làn sóng cách mạng, độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, thách thức trực tiếp hệ thống đế quốc thực dân cũ. Mặt khác, các cường quốc lại ráo riết tổ chức lại hệ thống thống trị của mình, biến các quốc gia yếu hơn thành nơi cạnh tranh ảnh hưởng, bất chấp nguyện vọng của nhân dân bản địa. Toàn bộ trật tự quốc tế trong giai đoạn này vẫn còn chưa định hình vững chắc, đầy mâu thuẫn và xung đột, tạo nên một môi trường thế giới vô cùng phức tạp và khắc nghiệt đối với những dân tộc đang đi tìm con đường tự do và phát triển tự chủ.

### ***1.1.2. Bối cảnh của Việt Nam***

Cách mạng tháng Tám thành công đã làm thay đổi căn bản cục diện chính trị trong nước. Trước hết, Việt Nam chính thức tuyên bố độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, đặt dấu chấm hết cho chế độ thực dân và phong kiến.

Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới, Đảng Cộng Sản trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Đặt

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn Kiện Đại Hội Đảng Thời Kỳ Đổi Mới Phần I, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, Tr 129.

biệt, việc hình thành hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ quốc, nhân dân.<sup>1</sup>

Hệ thống này tuy còn non trẻ nhưng đã thể hiện rõ tinh thần phục vụ lợi ích dân tộc, chăm lo cho đời sống nhân dân và bảo vệ nền độc lập mới giành được. Đảng Cộng sản Đông Dương – lực lượng lãnh đạo cao nhất của cuộc cách mạng – trở thành Đảng cầm quyền, nắm giữ vai trò lãnh đạo toàn diện trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trở thành biểu tượng lớn lao của tinh thần độc lập, tự do, là ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự tín nhiệm và lòng tin tuyệt đối mà nhân dân dành cho Bác là yếu tố then chốt tạo nên khối đoàn kết toàn dân, là nền tảng vững chắc để bảo vệ thành quả cách mạng trong bối cảnh khó khăn lúc bấy giờ.

Cùng với đó, lực lượng vũ trang nhân dân – gồm quân đội quốc gia và công an cách mạng – được gấp rút xây dựng, huấn luyện và tổ chức. Hệ thống pháp luật mới cũng được hình thành để từng bước củng cố nền tảng pháp lý cho một nhà nước dân chủ non trẻ.

Tuy có những thuận lợi căn bản, nhưng đất nước lúc này cũng đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức nghiêm trọng. Trước hết, chính quyền cách mạng mới được thành lập trong điều kiện hết sức gấp rút, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu về mọi mặt – từ kinh nghiệm quản lý đến trình độ chuyên môn. Chính quyền các cấp còn non trẻ, chưa đủ sức kháng cự lâu dài trước các thế lực thù địch và những nguy cơ từ bên ngoài.

Về kinh tế, đất nước ở trong tình trạng kiệt quệ nghiêm trọng sau nhiều năm chiến tranh, bị tàn phá bởi ách thống trị của thực dân, phát xít. Nền kinh tế vốn đã lạc hậu, manh mún lại càng thêm suy sụp. Công nghiệp đình đốn, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ và thiếu máy móc. Nông nghiệp lâm vào khủng hoảng, gần một nửa diện tích ruộng đất bị bỏ hoang, năng suất thấp, đời sống nông dân đói khổ triền miên.

Tài chính quốc gia gần như trống rỗng. Ngân khố không có tiền, hệ thống ngân hàng chưa ổn định. Việc in ấn và lưu thông tiền tệ gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh giá cả leo thang, buôn lậu hoành hành, thị trường hỗn loạn. Đây là một trong những thách thức lớn đòi hỏi chính quyền cách mạng phải có giải pháp kịp thời, quyết đoán để ổn định nền tài chính quốc gia và kiểm soát thị trường.

Về xã hội, tàn tích của chế độ cũ để lại những hệ lụy nặng nề. Tệ nạn xã hội như tham nhũng, quan liêu, mê tín dị đoan, phong tục lạc hậu vẫn phổ biến trong một bộ phận dân cư. Hệ thống giáo dục rệu rã, gần như tê liệt, dẫn đến tình trạng gần 95% dân số mù chữ. Hậu

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn Kiện Đại Hội Đảng Thời Kỳ Đổi Mới Phần I, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, Tr 129.



quả nạn đói cuối năm 1944 – đầu năm 1945 vẫn còn dai dẳng, khiến hơn hai triệu người chết đói và hàng triệu người rơi vào cảnh cùng cực.

Về an ninh, đất nước phải đối mặt với những thế lực phản động, tay sai của thực dân, phong kiến và cả những lực lượng cơ hội chính trị đang âm mưu phá hoại chính quyền cách mạng. Các tổ chức phản động như Việt Quốc, Việt Cách... câu kết với quân đội Tưởng Giới Thạch từ phương Bắc tiến vào, gây rối và tạo áp lực chính trị nhằm giành quyền lực.

Thách thức nghiêm trọng nhất sau ngày độc lập chính là sự đe dọa trực tiếp từ các thế lực ngoại bang. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, chỉ hơn ba tuần sau lễ Tuyên ngôn Độc lập, thực dân Pháp – được sự hỗ trợ của quân Anh – đã nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Quân Pháp được hậu thuẫn bởi chính phủ Anh và sử dụng cả tù binh Nhật để dẹp phong trào cách mạng ở Nam Bộ.

Ở Bắc vĩ tuyến 16, từ cuối tháng 8/1945, hơn 20 vạn quân đội của Tưởng giới Thạch (Trung Hoa Dân Quốc) kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân đội Đồng minh cào giãi giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách.<sup>1</sup> Mục tiêu chính của họ không chỉ là giải giáp phát xít mà còn tìm cách thao túng tình hình chính trị Việt Nam, giành ảnh hưởng và ngăn cản sự phát triển của chính quyền cách mạng.

Trong khi đó, trên lãnh thổ Việt Nam vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chưa được giải giáp hoàn toàn. Điều này khiến tình hình an ninh – quốc phòng trong nước rơi vào trạng thái căng thẳng, phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn.

Tình hình đó đã đẩy nền độc lập của Việt Nam vào thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Chính quyền cách mạng non trẻ vừa mới hình thành đã phải cùng lúc đối phó với ba loại giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Trong hoàn cảnh ấy, tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với ý chí kiên cường của nhân dân Việt Nam, trở thành yếu tố quyết định giúp đất nước từng bước vượt qua thử thách.

## **1.2. Những hành động hiếu chiến của Pháp từ 9/1945 đến 12/1946**

Âm mưu tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp đã được hoạch định ngay từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng, nhất là khi quân Đồng minh thắng trận. Ngày 14-3-1945, Charles de Gaulle - lãnh tụ kháng chiến lưu vong đã ra tuyên bố: *“Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm năm xứ (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên,*

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn Kiện Đại Hội Đảng Thời Kỳ Đổi Mới Phần I, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, Tr 130

*Ai Lao), liên bang Đông Dương cùng với nước Pháp xây dựng thành khối liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại sẽ do Pháp đại diện”<sup>1</sup>.*

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ II bước vào giai đoạn kết thúc. Phe đồng minh đang giành được nhiều thành công và phe phát xít đang dần thua cuộc. Chính vì vậy, phát xít Nhật lo lắng sau khi chiến tranh kết thúc sẽ bị mất hoàn toàn Đông Dương vào tay Pháp nên đã tiến hành cuộc đảo chính. Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương, quân Pháp nhanh chóng thất bại và đầu hàng quân Nhật. Như vậy, Nhật một mình thống trị Đông Dương và mọi kí kết giữa Pháp và triều đình phong kiến Việt Nam chính thức hết hiệu quả. Dù bị Nhật đánh bại thê thảm, song Pháp vẫn không từ bỏ tư tưởng Đông Dương là thuộc địa của mình: Ngày 12 tháng 3, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Paul Giacobbi, nói “đôi khi cảm động về lòng trung thành” của các dân tộc Đông Dương đối với Pháp, và dự đoán rằng: *“không lâu nữa lá cờ của chúng ta [Pháp] sẽ lại bay trên Hà Nội, Huế và Sài Gòn tự do cũng giống như Strasbourg và Metz”<sup>2</sup>*. Cùng ngày hôm đó, Đại sứ Pháp Henri Bonnet đã trình một công hàm lên Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ yêu cầu giúp đỡ ngay lập tức ở Đông Dương. Ngày 13, Tướng Charles de Gaulle, người đứng đầu chính phủ lâm thời Pháp, đã quát mắng Đại sứ Mỹ Jefferson Caffery vì thiếu sự trợ giúp đường không của Mỹ ở Đông Dương. Đồng thời, Tướng Sabattier nhận được lệnh qua radio từ Tướng de Gaulle ở Paris yêu cầu duy trì sự hiện diện thực tế ở miền Bắc Đông Dương bằng bất cứ giá nào, vì đó là biểu tượng cho sự tồn tại chủ quyền của Pháp. Chính những thủ đoạn và hành động ấy đã cho thấy dã tâm thâm hiểm của Pháp lớn đến mức nào, chúng quyết căn chốt Việt Nam không buông, chúng đánh đánh tráo sự thật khi dám nói “dân tộc Đông Dương trung thành với Pháp” hoặc thậm chí dám tuyên bố chủ quyền của Pháp trên Đông Dương dù cho thực tại chúng chẳng còn chút quyền hạn nào tại mảnh đất này. Và tất cả những điều Pháp làm chỉ cô đọng trong hai từ: Hiếu chiến.

Tháng 7-1945, Hội nghị Postdam diễn ra với mục đích phân chia lại bản đồ chính trị thế giới. Theo đó, Đông Dương bị chia thành 2 nửa: phía Nam vĩ tuyến 16 thuộc về Anh và Bắc vĩ tuyến 16 thuộc về Quốc dân Đảng Trung Quốc. Như vậy nghĩa là Pháp hoàn toàn không có quyền lợi gì tại Việt Nam. Từ đó ta có thể thấy, Pháp đáng lý không còn gì ở Đông Dương nữa, ngay cả các nước đồng minh cũng không ủng hộ Pháp. Nhưng thái độ của Pháp thì không chấp nhận điều này và tìm mọi cách để trở lại Đông Dương thông qua Anh.

Pháp tìm mọi cách để tranh thủ tìm đến Anh và rồi Anh và Pháp đã cấu kết với nhau: Ngày 24/8/1945, Anh và Pháp ký thảo thuận nêu lên những nguyên tắc và cách thức khôi phục quyền hành của Pháp ở Đông Dương. Tiếp đó, ngày 9/10/1945, Anh - Pháp ký với nhau

<sup>1</sup> Báo Quân đội Nhân dân (2016), *Bài 1: Tất cả hãy sẵn sàng*, <https://www.qdnd.vn/ho-so-su-kien/ky-niem-70-nam-ngay-toan-quoc-khang-chien-19-12-1946-19-12-2016/bai-1-tat-ca-hay-san-sang-493923>, ngày truy cập, 06/07/2025.

<sup>2</sup> Nghiên Cứu Lịch Sử (2021), *“Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945”*, <https://nghiencuulichsu.com/2021/03/08/nhat-dao-chinh-phap-ngay-9-thang-3-nam-1945/>, truy cập ngày, 14/07/2025.

Hiệp định quy định một cách phi pháp “*quyền hành chính của Pháp ở Việt Nam*”, bất chấp chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Và ngày 1/1/1946, Anh ký với Pháp Hiệp định “*Nhường quyền tiếp phòng*” cho Pháp ở vùng Nam Đông Dương. Có thể nói thực dân Anh chính là kẻ mở đường cho những hành động vũ lực của Pháp nhằm tái chiếm Việt Nam ngay sau cách mạng tháng Tám.

Và dưới sự hậu thuẫn từ phía Anh và quân đội Nhật: Đêm 22, rạng sáng 23-9-1945, quân Pháp nổ súng tiến công đánh chiếm trụ sở Ủy ban Hành chính Nam Bộ và Quốc gia Tự vệ cuộc, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Như vậy, quá rõ ràng để thấy được tham vọng chiếm lấy Việt Nam của Pháp: Mặc kệ những quyết định trong hội nghị Postdam, chúng vẫn cố tìm ‘khe hở’ để quay lại Đông Dương – Thực dân Anh. Đây một minh chứng rõ rệt cho hành vi hiếu chiến của Pháp – nhất quyết không buông tha Việt Nam.

Sau khi thỏa thuận thành công với Anh, xâm lược thành công miền Nam nước ta từ vĩ tuyến 16, tưởng chừng Pháp sẽ chịu yên phận. Nhưng không, với bản chất hiếu chiến thâm độc của mình, hấn tiếp tục tính đường đánh lên miền Bắc, thôn tóm cả nước Việt Nam. Ở phía Bắc vĩ tuyến 16 bấy giờ đang dưới quyền của Quốc dân Đảng Trung Quốc, tuy nhiên Quốc dân Đảng Trung Quốc còn phải lo đối phó với Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Lợi dụng thế khó ấy, thực dân Pháp đã tranh thủ cơ hội: Ngày 28-2-1946, giữa Pháp và Quốc dân Đảng Trung Quốc tại Trùng Khánh đã kí “Hiệp ước Trùng Khánh” (Hiệp ước Hoa – Pháp) với nội dung chính: “*Quốc dân Đảng Trung Quốc cho phép Pháp đưa quân ra phía Bắc thay quốc dân đảng, tiếp tục làm nhiệm vụ giải giáp vũ khí quân đội Nhật*”. Thực chất đây chỉ là một cái cớ để Pháp có thể ngang nhiên ra Bắc bằng cách cho Quốc dân Đảng Trung Quốc một số quyền lợi về kinh tế. Vậy, với hành động này của Pháp đã một lần nữa bộc lộ bản tính hiếu chiến của mình: Tìm mọi cách để mở rộng chiến tranh trên phạm vi cả nước.

Vì nền hòa bình của quốc gia dân tộc, chúng ta buộc phải lùi lại tạm thời, nhân nhượng với Pháp. Ngày 6-3-1946, Hồ Chí Minh đã chủ động gặp Pháp để đàm phán, kí với Pháp bản “Hiệp định sơ bộ”, theo đó: “*Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có Chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thống nhất đất nước sẽ được quyết định bằng trưng cầu ý dân.*”<sup>1</sup>. Thay vào đó, Chính phủ Việt Nam đồng ý để 15.000 quân Pháp vào thay quân Tưởng ở phía Bắc trong vòng 5 năm, đồng thời chấm dứt toàn bộ xung đột vũ trang tại Việt Nam. Tuy nhiên, với dã tâm xâm lược, Pháp luôn vi phạm các điều ước đã được ký kết. Thực chất, Pháp coi Hiệp định sơ bộ chỉ là hợp thức để đưa quân ra miền Bắc khôi phục lại với lực lượng vũ trang của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bên cạnh đó, đây còn là một toan tính đầy

---

<sup>1</sup> Báo Quân đội Nhân dân (2022) “*Ngày 6-3-1946: Hiệp Định Sơ Bộ Pháp-Việt Được Ký Kết*”, <https://www.qdnd.vn/tu-lieu-ho-so/ngay-nay-nam-xua/ngay-6-3-1946-hiep-dinh-so-bo-phap-viet-duoc-ky-ket-687622>., ngày truy cập, 13/07/2025

muờm, bởi Pháp đang còn khó khăn bề bộn do hậu quả của thế chiến II, lực lượng quân viễn chinh ở Việt Nam chưa đủ khả năng mở rộng chiến tranh ra cả nước. Đối với Pháp, việc ký Hiệp định sơ bộ là một kế hoãn binh, hoặc nói cho đúng hơn đó là thực hiện “chính sách chiếm đóng quân sự một cách hoà bình”. Thêm một lần nữa ta nhìn rõ bộ mặt thật của thực dân Pháp, chúng lợi dụng sự nhân nhượng của chúng ta mà lần tới, dựa vào hiệp định để đưa quân ra Bắc, sau khi đạt được mục đích thì lật mặt phũ tay. Hiệp định chỉ là lớp nguy trang cho âm mưu thâm độc của Pháp – từng bước chiếm hoàn toàn Việt Nam.

Tuy nhiên đây chỉ là hiệp định sơ bộ, giữa Việt Nam và Pháp cần ký một hiệp định chính thức và Việt Nam rất chủ động chuẩn bị cho việc này. Nhưng còn về phía Pháp, sau khi đã nhân cơ hội kéo được quân ra Bắc thì bắt đầu phá nát hiệp định: Bí mật xây dựng một Nam kỳ tự trị ở miền Nam, bí mật tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, bí mật xây dựng một Tây Nguyên tự trị,... mặc dù theo hiệp định sơ bộ là không được phép. Về hiệp định chính thức, hai bên cũng thảo luận với nhau để tiến hành hiệp định chính thức tại Pháp. Trước khi tổ chức hiệp định chính thức (7 – 1946), Việt Nam đã chủ động tổ chức hội nghị trù bị tại Đà Lạt (4 – 1946), nhưng Pháp đã tìm mọi cách trì hoãn và phá hội nghị trù bị này, do vậy hội nghị đó ta không thành công, tuy nhiên nó đã thể hiện thiện chí của chúng ta – rất nỗ lực cứu vãn nền hòa bình, nhưng về phía Pháp dường như bất hợp tác.

Tại Fontainebleau – Pháp, hội nghị chính thức diễn ra (6/7 – 13/9/1946). Ở đây Pháp lật lọng, không công nhận Việt Nam độc lập, chỉ công nhận Việt Nam bán tự trị. Tuy nhiên, ta quyết không nhân nhượng với Pháp về mặt chính trị, từ đó dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng giữa hai bên. Thuyết phục Việt Nam không được, Pháp chuyển sang đe dọa, ông Maurice Thorez, phó thủ tướng kiêm chủ tịch Đảng Cộng Sản Pháp còn hăm dọa những ai chống lại là sẽ dùng súng để đương đầu: “*Nếu người Việt Nam (phe quốc gia và phe cộng sản) không tôn trọng những điều khoản, chúng ta sẽ có biện pháp cần thiết và để súng nói rõ cho chúng ta nếu cần thiết*”<sup>1</sup>. Dựa vào sức mạnh về quân sự, sức mạnh về vật chất, Pháp đã ngang nhiên ngạo mạn như vậy, Pháp cho rằng Việt Nam không có khả năng thành công (dựa vào quy luật của chiến tranh: mạnh được – yếu thua và Việt Nam là nước yếu). Như vậy, mọi sự ký kết ở hiệp định chính thức coi như thất bại. Từ đây, ta thấy được rằng, mặc cho Việt Nam đã ra sức nhân nhượng, thể hiện mọi thiện chí đàm phán, Pháp vẫn ngang ngược, lật lọng, muốn thôn tóm toàn bộ nước ta. Điều đó đã chứng minh được dã tâm của Pháp đối với Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam là không hề nhỏ và vô cùng hiểm ác.

Trước khi Việt Nam về nước đã ký với Pháp một bản tạm ước, hai bên đã thống nhất với nhau một số điều khoản về kinh tế, văn hóa. Riêng vấn đề tự trị hay bán tự trị, các bên đều thống nhất đầu năm 1947 sẽ gặp nhau đàm phán tiếp. Tuy nhiên Pháp đã không giữ được

<sup>1</sup> Sự Thật về Hồ Chí Minh(2014), “*Những Chuyện Bên Lề Hội Nghị Fontainebleau 1946*”, <https://mousekeymakehistory.wordpress.com/2014/06/10/nhung-chuyen-ben-le-hoi-nghi-fontainebleau-1946/>., ngày truy cập, 13/07/2025

lời hứa đến đầu năm 1947. Ngày 20-11-1946, Pháp đã đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, đổ quân lên Đà Nẵng, lên kế hoạch đánh toàn bộ Bắc vĩ tuyến 16. Không những vậy, Pháp còn đưa xung đột vũ trang vào thủ đô Hà Nội, thậm chí còn gửi tối hậu thư bắt Việt Nam đầu hàng Điều này cho thấy Pháp đang khiêu khích về quân sự, mặc cho chúng ta đã cố hết sức dùng biện pháp hòa bình để đàm phán. Trả lời cho thiện chí của Việt Nam, Pháp gửi hàng loạt những tối hậu thư buộc chúng ta đầu hàng, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội lại cho Pháp: Ngày 17-12, quân Pháp trợn bắn vào trụ sở tự vệ ta, gây ra vụ thảm sát đồng bào hết sức dã man ở phố Yên Ninh và Hàng Bún (Hà Nội). Ngày 18-12, quân Pháp chiếm Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Trong ngày 18, Pháp chuyển cho ta hai bức thư, lời lẽ như những tối hậu thư, đòi phá hủy những chướng ngại trên đường phố để quân Pháp tự do đi lại, đòi tự đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội....Pháp dường như không thèm đoái hoài đến những nhân nhượng mà Việt Nam đã đề ra, trái lại ngày càng lấn tới, chỉ chăm chăm muốn chiếm toàn bộ Việt Nam cho bằng được, cậy mình có lực lượng và quân sự vững mạnh mà ngang tàn phá toàn bộ những kí kết, ngang nhiên đánh chiếm nước ta. Rõ ràng đây là một sự hiếu chiến bất chấp thủ đoạn và dù ta có nhân nhượng cỡ nào đi chăng nữa thì cũng chẳng thay đổi được điều gì.

Như vậy, từ sau năm 1945 đến cuối năm 1946, thực dân Pháp đã không ngừng tiến hành các hoạt động chính trị – quân sự nhằm tái chiếm Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam. Dù chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhiều lần nhân nhượng để giữ hòa bình, nhưng Pháp vẫn kiên quyết mở rộng chiến tranh. Những hành động này của Pháp đã đẩy mâu thuẫn giữa hai bên lên đến đỉnh điểm, và cuối cùng dẫn đến cuộc Kháng chiến Toàn quốc. Đây không phải quyết định bốc đồng, cũng không phải Việt Nam hiếu chiến mà vì chúng ta đã bị đẩy vào đường cùng. Ta đã nhiều lần dùng biện pháp ôn hòa để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành công, bởi tham vọng của Pháp quá lớn, bản chất rắn độc của chúng sẽ không bao giờ tha cho ‘con mồi’ là Việt Nam. Do vậy, chiến tranh bùng nổ là một quy luật tất yếu mà thủ phạm châm ngòi chính là thực dân Pháp.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 1**

Giai đoạn sau Chiến tranh Thế giới thứ hai là thời kỳ chuyển giao sâu sắc về trật tự quốc tế, với đặc trưng nổi bật là sự đối đầu giữa hai hệ tư tưởng: chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc. Trong khi chủ nghĩa xã hội trỗi dậy mạnh mẽ tại Đông Âu và lan rộng ra nhiều khu vực, thì các nước đế quốc ráo riết tái thiết lập hệ thống thuộc địa, bất chấp làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc đang dâng cao tại châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Trên bình diện quốc tế, các quốc gia mới giành độc lập – như Việt Nam – phải đối mặt với sự cô lập, chia rẽ và can thiệp từ các cường quốc, đặc biệt là khi trật tự toàn cầu chưa ổn định và các thể chế quốc tế như Liên Hợp Quốc vẫn chịu chi phối bởi lợi ích của các nước lớn.



Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám bước vào một kỷ nguyên mới: giành được độc lập nhưng phải đối diện với muôn vàn thách thức. Về chính trị, chính quyền cách mạng non trẻ vừa được thiết lập trong điều kiện khẩn cấp, thiếu thốn cả nhân lực lẫn kinh nghiệm. Về kinh tế, đất nước kiệt quệ, tài chính trống rỗng, sản xuất trì trệ. Về xã hội, nạn đói, nạn dốt, và các tệ nạn cũ vẫn còn dai dẳng. Đặc biệt nghiêm trọng là nguy cơ xâm lược từ ngoại bang, khi Việt Nam rơi vào thế “ba mặt giặc”: đói, dốt và ngoại xâm. Trong hoàn cảnh ấy, chính quyền cách mạng phải nỗ lực giữ vững thành quả cách mạng trong một môi trường quốc tế khắc nghiệt và nội bộ đầy bất ổn.

Ngay từ trước khi Việt Nam giành độc lập, thực dân Pháp đã áp ủ ý đồ tái chiếm Đông Dương. Sau năm 1945, dù thực tế và pháp lý đều không còn cơ sở tại Việt Nam, Pháp vẫn không từ bỏ dã tâm. Chúng tìm mọi cách quay trở lại: dựa vào quân Anh, cầu kết với Quốc dân Đảng Trung Quốc, ký các hiệp định mang tính chiếm đóng trá hình, và lợi dụng mọi cơ hội để mở rộng địa bàn quân sự. Dù Việt Nam đã nhiều lần thể hiện thiện chí đàm phán, ký kết các hiệp định hòa bình, thì Pháp vẫn liên tục lật lọng, ngang nhiên vi phạm, phá vỡ cam kết và tiến hành các hành động quân sự leo thang. Bản chất hiếu chiến của Pháp thể hiện rõ qua việc liên tục tạo cớ gây hấn, quyết tâm kiểm soát toàn bộ Việt Nam, bất chấp luật pháp quốc tế và nguyện vọng độc lập chính đáng của dân tộc Việt Nam. Đây chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc Kháng chiến Toàn quốc – một cuộc chiến không thể tránh khỏi do sự xâm lược tàn bạo và ngoan cố của thực dân Pháp.

## CHƯƠNG 2.

### QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP – SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

#### 2.1. Quá trình Đảng giải quyết xung đột với Pháp và quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc

**Một là**, khi thực dân Pháp tái chiếm Việt Nam lần 2, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thể hiện tầm nhìn chiến lược sâu sắc qua Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ngày 25/11/1945. Chỉ thị này không chỉ vạch ra đường lối đối phó trước mắt mà còn định hình một cách toàn diện cuộc đấu tranh của dân tộc. Trước hết, văn kiện đã xác định chính xác kẻ thù chính, nguy hiểm nhất cần phải đối đầu là “Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.<sup>1</sup>”. Song song với việc xác định rõ kẻ thù, chỉ thị cũng vạch ra mục tiêu chiến lược, lâu dài và không thể nhân nhượng của toàn dân tộc. Đó là phải “Kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc dân tộc”<sup>2</sup>. Mục tiêu này không chỉ dừng lại ở việc tuyên bố độc lập mà còn phải được thực thi bằng những nhiệm vụ cụ thể, đó là giành “Độc lập về chính trị, thực hiện chế độ dân chủ cộng hoà; cải thiện đời sống cho nhân dân”<sup>3</sup>. Việc đặt nhiệm vụ “cải thiện đời sống cho nhân dân” ngang hàng với “độc lập về chính trị” cho thấy sâu sắc rằng, đường lối của Đảng không chỉ là chống ngoại xâm, mà còn là kiến tạo một xã hội mới vì con người. Chính sự kết hợp giữa một mục tiêu chiến lược kiên định, toàn diện và một sách lược đối phó linh hoạt đã cho thấy bản lĩnh, trí tuệ của Đảng, đặt nền móng vững chắc cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

**Hai là**, khi Pháp và Quốc dân Đảng Trung Quốc ký Hiệp ước Hoa-Pháp (28/02/1946), theo đó quân Pháp sẽ thay thế quân Tưởng ở miền Bắc Việt Nam. Hiệp ước Hoa-Pháp được ký kết, đặt cách mạng nước ta trước một thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Để tránh phải đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù, Ban Thường vụ Trung ương Đảng qua Chỉ thị "Tình hình và chủ trương" (03/03/1946) đã quyết định chủ trương “hòa để tiến”. Lập trường giảng hòa này được xây dựng trên các nguyên tắc hết sức kiên quyết: Pháp phải công nhận quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam về mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao và thừa nhận nền thống nhất quốc gia. Đổi lại, phía ta có thể chấp nhận cho quân Pháp hiện diện một cách tạm thời và có giới hạn, đồng thời đảm bảo quyền lợi kinh tế của họ ngoại trừ các cơ sở thuộc về quốc phòng<sup>4</sup>. Việc vạch ra một lập trường đàm phán chi tiết như vậy cho thấy sự chuẩn bị kỹ lưỡng và tầm nhìn chiến lược của Đảng, vừa mềm dẻo về sách lược để đạt mục tiêu trước

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.26

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.26

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.26

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.46

mất là đẩy quân Tưởng về nước, vừa kiên quyết về nguyên tắc để bảo vệ lợi ích quốc gia lâu dài.

Chủ trương “hòa để tiến” đã nhanh chóng được cụ thể hóa bằng việc ký kết Hiệp định Sơ bộ vào ngày 06/03/1946. Về sơ lược, Hiệp định này quy định Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, quân đội và tài chính riêng; đổi lại, ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng và phải rút đi trong 5 năm. Về đánh giá, việc ký kết Hiệp định này là một thắng lợi chiến lược mang ý nghĩa vô cùng to lớn. Trước hết, nó đã giúp ta đạt được mục tiêu cấp bách là đẩy được 20 vạn quân Tưởng ra khỏi bờ cõi, phá vỡ thế bị bao vây và tránh được một cuộc chiến tranh bất lợi. Tiếp theo, nó tạo ra một khoảng thời gian hòa bình quý giá để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Hơn thế nữa, việc buộc Pháp công nhận tư cách một quốc gia tự do đã nâng cao vị thế pháp lý của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo ra một lợi thế lớn cho các cuộc đấu tranh ngoại giao về sau.

**Ba là**, sau khi Việt Nam – Pháp ký Hiệp định Sơ bộ (6/03/1946), việc Pháp ký Hiệp ước Hoa-Pháp đã đặt đất nước ta trước nguy cơ phải chiến đấu cùng lúc với nhiều thế lực. Để "tránh tình thế bất lợi" và "bảo toàn thực lực", Đảng ta đã chọn giải pháp đàm phán, dẫn đến việc ký kết Hiệp định Sơ bộ vào ngày 06/03/1946. Nội dung của Hiệp định thể hiện rõ sự nhân nhượng có nguyên tắc từ hai phía: Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng; đổi lại, ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp ra Bắc thay quân Tưởng, và số quân này phải rút hết trong thời hạn 5 năm. Hai bên cũng cam kết ngừng mọi xung đột để mở đường cho các cuộc đàm phán chính thức trong tương lai<sup>1</sup>. Việc ký kết hiệp định này là một thắng lợi chiến lược quan trọng, giúp ta loại bỏ được kẻ thù nguy hiểm là quân Tưởng, có thêm thời gian hòa bình quý báu để chuẩn bị lực lượng, chờ đợi cơ hội mới.

**Bốn là**, Việt Nam chủ động đề tổ chức Hội nghị Trù bị tại Đà Lạt vào ngày 19/4/1946, Hội nghị này do phía Pháp đề nghị sau khi Việt Nam kiên quyết yêu cầu phải tiến hành cuộc đàm phán chính thức như đã thỏa thuận trong Hiệp định Sơ bộ 6/3, một hiệp định mà phía Pháp liên tục vi phạm. Trong suốt ba tuần lễ đàm phán (từ 19/4 đến 10/5/1946), phía Pháp luôn giữ lập trường thực dân, hiếu chiến. Họ tìm cách chia cắt Việt Nam bằng việc từ chối tổ chức trưng cầu dân ý ở Nam Bộ nhằm thực hiện âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Phía Việt Nam đã kiên quyết phản đối lập trường và những hành động phá hoại này của Pháp. Do những bất đồng không thể giải quyết, hội nghị đã không đi đến kết quả, và phái đoàn Việt Nam rời Đà Lạt vào ngày 10/5/1946.

**Năm là**, hội nghị chính thức tại Pháp, tức hội nghị Fontainebleau, đã thất bại do lập trường của hai bên hoàn toàn đối lập. Nguyên nhân sâu xa của sự thất bại này hoàn toàn

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 48-49.



thuộc về phía Pháp<sup>1</sup>, trong khi Việt Nam đã cố gắng hết sức để đi đến thỏa thuận. Sự thất bại này bắt nguồn từ lập trường thực dân không thay đổi của Pháp. Cụ thể, Pháp chỉ muốn công nhận Việt Nam là một nước bán tự trị và lệ thuộc vào Pháp, đồng thời âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta bằng việc ủng hộ thành lập nhà nước Nam Kỳ tự trị. Thái độ ngoan cố này của Pháp xuất phát từ những âm mưu riêng được tính toán từ trước. *Thứ nhất*, họ muốn lợi dụng thời gian đàm phán để thực hiện chính sách "việc đã rồi"<sup>2</sup> trên chiến trường, nhằm củng cố thế lực để ép ta phải nhượng bộ nhiều hơn sau này. *Thứ hai*, họ muốn chờ đợi kết quả cuộc tổng tuyển cử ở Pháp với hy vọng phái hữu thắng thế sẽ thi hành một chính sách phản động hơn với Việt Nam. *Cuối cùng*, họ muốn chờ Quốc hội Pháp thông qua một chế độ cai trị không dân chủ cho khối Liên hiệp Pháp rồi áp đặt lên Việt Nam, thay vì phải đàm phán một cách bình đẳng.

**Sáu là**, sau khi Hội nghị Fontainebleau thất bại do lập trường hiếu chiến của Pháp, trong nỗ lực cuối cùng để cứu vãn nền hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Pháp là Marius Moutet bản Tạm ước ngày 14/09/1946. Đây là một văn bản gồm 11 điều khoản, được lập ra với mục đích chính là "nhằm giảm bớt tình hình căng thẳng hiện tại" và tạo điều kiện để tiếp tục đàm phán vào đầu năm 1947. Về nội dung, Tạm ước thể hiện sự nhân nhượng có nguyên tắc của Việt Nam: ta chấp nhận đảm bảo một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa cho Pháp, như quyền tự do kinh doanh và hoạt động của các cơ sở văn hóa Pháp. Đổi lại, phía Pháp cam kết sẽ đảm bảo các quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ và hai bên cùng ngừng mọi hành động xung đột. Vấn đề chủ quyền của Việt Nam ở Nam Bộ, vốn là điểm mấu chốt, đã được tạm gác lại, chưa giải quyết. Việc ký Tạm ước là một bước đi ngoại giao khôn khéo, vừa thể hiện thiện chí hòa bình của Việt Nam với thế giới, vừa cho chúng ta thêm thời gian quý báu để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc mà Đảng ta nhận định là không thể tránh khỏi.

**Bảy là**, thiện chí hòa bình của Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng khước từ bằng chính sách "việc đã rồi". Bất chấp Tạm ước 14/9, Pháp liên tiếp có những hành động khiêu khích quân sự. Đỉnh điểm là ngày 20/11/1946, quân Pháp nổ súng tấn công vào các vị trí của ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Sau đó, chúng gửi tối hậu thư đòi ta phải hạ vũ khí và rút khỏi thành phố Hải Phòng. Khi yêu cầu không được đáp ứng, ngày 23/11, quân Pháp đã huy động tàu chiến và pháo binh tàn sát hàng ngàn dân thường, chính thức chiếm đóng thành phố. Tại Hà Nội, tình hình ngày càng trở nên căng thẳng. Quân Pháp liên tục nổ súng, gây rối, đỉnh điểm là vụ tàn sát ở phố Yên Ninh - Hàng Bún ngày 17/12. Đến ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta, đòi phải phá bỏ công sự, giải tán lực lượng tự vệ

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 117.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 116

chiến đấu và giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng trong vòng 24 giờ. Trước những hành động xâm lược không thể che giấu, mọi nỗ lực hòa bình của Việt Nam đã không còn.

**Tám là,** Tối ngày 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. Mệnh lệnh kháng chiến được phát đi. Vào lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, tín hiệu kháng chiến bắt đầu bằng việc pháo đài Láng ở Hà Nội nổ súng, chính thức mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. Ngay sau đó, "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi khắp cả nước, khẳng định ý chí sắt đá: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"<sup>1</sup>. Ngay sau Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta trên khắp các tỉnh có quân Pháp chiếm đóng từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng. Cuộc chiến đấu tại các đô thị, đặc biệt là ở Thủ đô Hà Nội, đã diễn ra vô cùng anh dũng với tinh thần "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh". Tại Hà Nội, các lực lượng Vệ quốc quân, công an xung phong và gần 30.000 dân quân tự vệ đã kiên cường bám trụ, giành giật với địch từng căn nhà, góc phố trong suốt 60 ngày đêm. Quân và dân Thủ đô đã đánh gần 200 trận, loại khỏi vòng chiến đấu gần 2.000 tên địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố để các cơ quan đầu não của ta rút về căn cứ địa an toàn. Phối hợp cùng Hà Nội, quân dân ở các thành phố khác như Hải Dương, Nam Định, Huế, Đà Nẵng... cũng đồng loạt tiến công, vây hãm, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm thất bại âm mưu đánh úp, chớp nhoáng của thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đã thể hiện ý chí quật cường, tinh thần yêu nước và sẵn sàng hy sinh của cả dân tộc, mở đầu cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc không phải là một lựa chọn bột phát, mà là điểm cuối cùng của một quá trình mà ở đó, mọi thiện chí hòa bình của Việt Nam đã bị thực dân Pháp đáp trả bằng súng đạn. Không khí tại Hà Nội và các thành phố phía Bắc ngày càng trở nên ngột ngạt sau các vụ thảm sát ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Quân Pháp liên tiếp có những hành động khiêu khích trắng trợn, gây hấn, và đỉnh điểm là vào ngày 18/12/1946, chúng đã gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta. Tối hậu thư này đặt ra những yêu sách vô cùng ngang ngược, đòi tước vũ khí của lực lượng tự vệ, đòi nắm trọn quyền kiểm soát an ninh tại Thủ đô, thực chất là buộc chúng ta phải đầu hàng vô điều kiện. Giọt nước đã tràn ly, mọi ảo tưởng về một giải pháp hòa bình đã hoàn toàn tan vỡ. Con đường đàm phán đã bị chính người Pháp đóng sập lại, đặt dân tộc Việt Nam trước một lựa chọn lịch sử duy nhất để bảo vệ phẩm giá và nền độc lập: đứng lên chiến đấu.

Trong thời khắc lịch sử đó, vào tối ngày 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và đưa ra một quyết định dứt khoát, thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn dân tộc: phát động cuộc kháng chiến trên phạm vi cả nước. Mệnh lệnh chiến đấu ngay lập tức được

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4 (1945-1946), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534.

truyền đi. Vào đúng 20 giờ, những loạt đạn pháo từ pháo đài Láng đã nổ vang trời Hà Nội, trở thành tín hiệu thiêng liêng, chính thức mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Ngay sau đó, "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được phát đi, như một lời hịch non sông, vang dội vào trái tim của hàng triệu người dân Việt Nam. Lời kêu gọi ngắn gọn mà đanh thép, khẳng định chân lý và ý chí sắt đá: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"<sup>1</sup>. Lời kêu gọi ấy đã biến căm thù thành hành động, lập tức được hưởng ứng bằng những cuộc tiến công đồng loạt của quân và dân ta trên khắp các tỉnh có quân Pháp chiếm đóng từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra.

Đây là một quyết định lịch sử hoàn toàn đúng đắn, kịp thời, thể hiện một tầm nhìn chiến lược sâu sắc. Cuộc chiến đấu trong những ngày đầu, đặc biệt là trận chiến 60 ngày đêm tại Thủ đô Hà Nội, là minh chứng hùng hồn nhất cho sự đúng đắn đó. Với tinh thần "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh", các lực lượng Vệ quốc quân, công an và tự vệ đã biến mỗi góc phố, mỗi căn nhà thành một pháo đài, kiên cường giam chân một đội quân nhà nghề của địch. Thắng lợi chiến lược quan trọng nhất của giai đoạn này chính là đã bảo vệ an toàn cho các cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ địa Việt Bắc, bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu trường kỳ. Cùng với Hà Nội, quân dân các thành phố khác cũng đồng loạt chiến đấu, làm thất bại hoàn toàn âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu mở đầu này không chỉ thể hiện ý chí quật cường, lòng yêu nước vô hạn mà còn là một thắng lợi chiến lược đầu tiên, khẳng định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng là đúng đắn, đặt nền móng vững chắc cho chín năm kháng chiến trường kỳ gian khổ nhưng cuối cùng đã đi đến thắng lợi.

## 2.2. Nội dung và giá trị của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp

**Một là, nội dung đường lối kháng chiến**

### 1) Tính chất của cuộc kháng chiến

Tính chất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến giải phóng dân tộc và dân chủ mới. Giải phóng dân tộc là ưu tiên quan trọng nhất. Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp, giải phóng hoàn toàn đất nước khỏi sự can thiệp và kiểm soát của ngoại bang, và thống nhất đất nước thành một khối thống nhất, không bị chia cắt. Khẳng định quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam trong việc lựa chọn con đường phát triển, xây dựng chế độ chính trị và quản lý đất nước, không bị áp đặt từ bên ngoài. Đây là cuộc chiến tranh chính nghĩa để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, chống lại ách đô hộ của thực dân.

### 2) Mục tiêu của cuộc kháng chiến

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4 (1945-1946), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534.

Sau Cách mạng tháng Tám, Việt Nam đã giành được độc lập và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc kháng chiến chống Pháp tái xâm lược là để bảo vệ chính quyền còn non trẻ và những thành quả cách mạng đã đạt được. Mục tiêu quan trọng nhất của cuộc chiến là giành lại độc lập hoàn toàn, thống nhất tổ quốc, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đưa Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập, tự chủ, không còn chịu ách nô lệ và bị thực dân Pháp đô hộ. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nhằm đánh đổ thế lực xâm lược ngoại bang và sự can thiệp của Anh, Mỹ, giành lại độc lập trọn vẹn cho Việt Nam.

### **3) Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến**

- Động viên nhân lực, vật lực, tài lực thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự dựa vào sức mình.
- Đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và các dân tộc yêu chuộng dân chủ, hòa bình trên thế giới.
- Giành lại độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Tổ quốc.
- củng cố chế độ dân chủ cộng hòa, tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc...

### **4) Phương châm tiến hành cuộc kháng chiến**

#### *Kháng chiến toàn dân:*

Lý do phát động kháng chiến toàn dân: Pháp là cường quốc thực dân với quân đội hùng mạnh được trang bị với vũ khí hiện đại, tiềm lực kinh tế và quân sự lớn mạnh hơn Việt Nam. Trong khi đó, chính quyền Việt Nam còn non trẻ, kinh tế kiệt quệ, quân đội còn sơ khai, vũ khí thô sơ. Trong tình huống chênh lệch về lực lượng quá lớn như vậy, nếu chỉ dựa vào sức mạnh quân đội thì ta không thể nào thắng Pháp. Vì vậy, cần tiến hành kháng chiến toàn dân. Việc huy động sức mạnh của toàn dân là cách duy nhất để tạo ra uy thế về số lượng và tinh thần.

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”. Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Đảng đã không phát động cuộc chiến tranh thông thường mà phát động cuộc chiến tranh nhân dân, không chỉ dựa vào lực lượng quân đội mà dựa vào lực lượng của toàn dân, có lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).

#### *Kháng chiến toàn diện*

Lý do tiến hành kháng chiến toàn diện: Thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn để xâm lược nước Việt Nam, thống trị và bóc lột nhân dân Việt Nam gồm tiến công về quân sự, gây chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, thành lập chính quyền tay sai, thành lập các đảng phái chính trị phản động, tàn phá nền kinh tế kháng chiến, vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến

tranh, gieo rắc văn hóa thực dân, tuyên truyền xuyên tạc chính sách của Đảng và nhà nước, cô lập cuộc kháng chiến về ngoại giao. Muốn đánh thắng Pháp phải làm thất bại mọi thủ đoạn của Pháp. Để tiến hành kháng chiến thành công phải xây dựng một hậu phương vững mạnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho chiến tranh. Vì vậy, cần kháng chiến về mọi mặt (chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội), đồng thời phải tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi. Để tiến hành kháng chiến thành công phải xây dựng một hậu phương vững mạnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho chiến tranh.

Kháng chiến về chính trị là phát huy chỗ mạnh cơ bản của Việt Nam (tiến hành chiến tranh chính nghĩa chống xâm lược), đồng thời khoét sâu chỗ yếu cơ bản của Pháp (tiến hành chiến tranh xâm lược phi nghĩa).

Kháng chiến về quân sự là mặt trận hết sức quan trọng. Chiến tranh càng phát triển thì vai trò phát triển thì vai trò của lực lượng quân sự và đấu tranh quân sự ngày càng trở nên quan trọng. Nó giữ vị trí quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, làm thất bại các âm mưu quân sự và qua đó làm thất bại các âm mưu chính trị của địch.

Kháng chiến về kinh tế nhằm làm thất bại âm mưu vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh của thực dân Pháp. Phá hoại hậu phương chiến tranh của Pháp. Xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự cung, tự cấp, đảm bảo đời sống của bộ đội và nhân dân, đảm bảo sản xuất vũ khí cho lực lượng vũ trang đánh giặc.

Kháng chiến về văn hóa: Nền văn hóa phản ánh cuộc kháng chiến và con người kháng chiến, động viên, cổ vũ tinh thần kháng chiến của bộ đội. Nền văn hóa được xây dựng trên 3 phương diện: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa. Phát triển nền giáo dục kháng chiến qua giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa. Biên chế theo trình độ văn hóa để thuận tiện cho việc học, di chuyển các trường đại học ra vùng tự do, đào tạo cán bộ phục vụ kháng chiến. Tiến hành cuộc đấu tranh chống mê tín, dị đoan, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa mới (tiết kiệm, giản dị...)

Kháng chiến về ngoại giao gồm hai mặt. Một là, ra sức tuyên truyền quốc tế, tranh thủ mọi sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế cả về vật chất và tinh thần đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Hai là, tiến hành đấu tranh ngoại giao nhằm tố cáo cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, tuyên truyền cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.



Kháng chiến về ngoại giao cùng với mặt trận quân sự đi đến giải pháp về ngoại giao để kết thúc cuộc kháng chiến.

### *Kháng chiến trường kỳ*

Lý do phải kháng chiến lâu dài: Pháp muốn đánh nhanh, thắng nhanh vì về chính trị, đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa nên cần phải đánh nhanh, thắng nhanh. Về quân sự, cần đánh nhanh để phát huy ưu thế của quân đội nhà nghề và phương tiện chiến tranh hiện đại. Về kinh tế, cần đánh nhanh để tiết kiệm chi phí chiến tranh và sớm hoàn thành mục tiêu xâm lược thuộc địa để khai thác về kinh tế. Việt Nam phải kháng chiến lâu dài là vì chênh lệch lực lượng giữa Pháp với Việt Nam là quá lớn. Việt Nam cần có thời gian để vừa kháng chiến, vừa xây dựng hậu phương và vận động quốc tế. Để chống lại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, buộc Pháp phải đánh theo cách đánh của Việt Nam.

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, làm thay đổi sự chênh lệch lực lượng so với Pháp, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

### *Tự dựa vào sức mình*

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có của nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu. Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, nước ta bị bao vây, cô lập, chưa có quốc gia nào đặt quan hệ ngoại giao hay viện trợ, do đó Việt Nam không thể ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài, sự tự lực cánh sinh trở thành điều tất yếu. Tuy nhiên, tự dựa vào sức mình không có nghĩa là coi nhẹ sự hỗ trợ từ quốc tế. Việt Nam vẫn tích cực vận động và tranh thủ sự ủng hộ về vật chất, tinh thần từ các nước bạn để gia tăng sức mạnh cho cuộc kháng chiến chính nghĩa. Điều đó là đúng đắn, vì sứ mệnh giành độc lập dân tộc phải do chính quốc gia, chính dân tộc đó đứng lên giành lấy.

## **5) Triển vọng của cuộc kháng chiến**

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rất khó khăn gian khổ. Dù vậy, nhân dân Việt Nam vẫn kiên cường chiến đấu vì họ có cơ sở để tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Đây là cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm giải phóng dân tộc nên được sự ủng hộ nhiệt thành của toàn bộ người dân Việt Nam. Dù tiềm lực kinh tế và quân sự còn hạn chế, Đảng dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã đưa ra đường lối kháng chiến đúng đắn là toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình. Việt Nam đã từng bước vượt qua những thử thách, phát huy sức mạnh của nhân dân. Việt Nam cũng có được sự ủng hộ của các nước Xã hội Chủ nghĩa và các lực lượng hòa bình, dân chủ trên thế giới. Ngoài ra, Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trước đây, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ nhất, từ đó vận dụng vào cuộc kháng chiến lần này. Những yếu tố trên là cơ sở để nhân dân Việt Nam giữ vững niềm tin rằng với sự bền bỉ, kiên cường và chiến lược đúng đắn, nhân dân Việt Nam đánh đuổi được thế lực ngoại xâm, giành được tự do trọn vẹn cho đất nước.

### **Hai là, giá trị đường lối kháng chiến**

Đường lối kháng chiến của Đảng là đường lối chiến tranh nhân dân, là ngọn cờ cổ vũ toàn Đảng, toàn dân đứng lên kháng chiến. Đó là xuất phát điểm cho mọi thắng lợi của cuộc kháng chiến. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng là toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự dựa vào sức mình chính là yếu tố quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Đường lối đó đã khơi dậy tinh thần yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc của toàn thể người dân Việt Nam, giúp huy động mọi lực lượng, mọi ngành, mọi giới vào cuộc kháng chiến lan rộng khắp đất nước. Tính toàn diện và trường kỳ giúp ta vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, trong khi từng bước làm tiêu hao quân lực của địch, đồng thời củng cố hậu phương ngay ở sát bên cạnh, tăng cường tiềm lực của quân đội ta. Việt Nam đã phải tự mình vượt qua nhiều khó khăn và thiếu thốn dẫn đến những bước đi thiên tài và sáng tạo trong tổ chức và chiến đấu. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Những yếu tố trên cùng với sự ủng hộ của toàn dân là yếu tố khiến cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm 1954, đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ ở Việt Nam. Sự kiện này đã buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh xâm lược tại Việt Nam. Việt Nam đã khiến các quốc gia lớn phải công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, lãnh thổ riêng, tự do và tự quyết. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng, mở ra một thời kỳ mới cho đất nước Việt Nam.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Giai đoạn 1945-1946 đặt chính quyền Việt Nam non trẻ vào một tình thế hiểm nghèo, đòi hỏi phải có những quyết sách cân bằng giữa đối ngoại và chuẩn bị nội lực. Ưu tiên hàng đầu là bảo vệ nền độc lập vừa giành được và tránh một cuộc chiến tranh tàn khốc, chính phủ đã chủ động theo đuổi giải pháp đàm phán, chấp nhận những nhân nhượng có nguyên tắc với Pháp. Tuy nhiên, thiện chí này không đồng nghĩa với sự ảo tưởng. Song song với các nỗ lực ngoại giao, việc chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh không mong muốn vẫn được gấp rút tiến hành trên mọi mặt. Chính thái độ leo thang và những hành động quân sự của Pháp, mà đỉnh điểm là tối hậu thư ngày 18/12/1946, đã đơn phương xóa bỏ mọi khả năng đối thoại. Do đó, quyết định phát động kháng chiến toàn quốc vào đêm 19/12/1946 không phải là một sự lựa chọn, mà là một phản ứng bắt buộc khi con đường hòa bình đã bị chặn đứng, trở thành mệnh lệnh duy nhất của lịch sử để bảo vệ chủ quyền dân tộc.

Bước vào cuộc kháng chiến, đường lối được vạch ra đã xác định một khuôn khổ chiến lược rõ ràng, phù hợp với tương quan lực lượng lúc bấy giờ. Đường lối này xác định cuộc đấu tranh sẽ phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, diễn ra trên mọi lĩnh vực, kéo dài và chủ yếu dựa vào sức mình. Bốn phương châm hành động cốt lõi này – toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh – đã định hình nên cuộc chiến tranh nhân dân, lấy sức mạnh chính trị và tinh thần để đối chọi với ưu thế quân sự của đối phương, đồng thời dùng thời gian để từng bước thay đổi cục diện. Việc kết hợp song song nhiệm vụ kháng chiến với xây dựng hậu phương (kiến quốc) cũng là một yếu tố thực tiễn, nhằm duy trì và phát triển tiềm lực cho cuộc đấu tranh lâu dài. Sự rõ ràng và tính hợp lý của đường lối này đã trở thành cơ sở để thống nhất ý chí và hành động của toàn dân, giúp Việt Nam vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của cuộc chiến.



### CHƯƠNG 3.

## KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT VỚI PHÁP TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA ĐẢNG VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI THỰC TIỄN HIỆN NAY

### 3.1. Kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng giải quyết xung đột với pháp trước khi quyết định phát động kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp

Quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong hơn một năm, từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến trước ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), là một giai đoạn đấu tranh chính trị, ngoại giao vô cùng phức tạp và quyết liệt. Đây là một giai đoạn thử thách cao độ bản lĩnh, trí tuệ của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Đảng ta đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm vô giá, có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, đặc biệt là từ quá trình giải quyết xung đột trực tiếp với thực dân Pháp.

*Một là, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, thực hiện sách lược phân hóa, cô lập chúng để giành thắng lợi từng bước.*

Đây là bài học thành công nổi bật nhất, thể hiện đỉnh cao nghệ thuật lãnh đạo và đấu tranh ngoại giao của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh có nhiều kẻ thù cùng tồn tại trên đất nước ta (thực dân Pháp, quân Tưởng Giới Thạch, quân Anh, bọn phản động tay sai), Đảng đã phân tích chính xác bản chất, âm mưu và quan trọng nhất là mâu thuẫn về quyền lợi giữa chúng để đề ra đối sách phù hợp cho từng giai đoạn.

- ✧ Giai đoạn từ tháng 9/1945 đến trước ngày 6/3/1946: Nhận thấy mâu thuẫn sâu sắc giữa âm mưu quay trở lại xâm lược của Pháp và ý đồ "diệt Cộng, cầm Hồ" của Tưởng, Đảng ta đã xác định kẻ thù chính là thực dân Pháp và chủ trương "Hòa hoãn với Tưởng để tập trung chống Pháp ở miền Nam". Ta chấp nhận những nhân nhượng tạm thời cho Tưởng và tay sai (như cung cấp lương thực, nhường 70 ghế trong Quốc hội) để tránh phải đối đầu với nhiều kẻ thù cùng lúc, giữ vững chính quyền và tập trung lực lượng cho mặt trận chính.
- ✧ Giai đoạn sau ngày 6/3/1946: Khi Pháp và Tưởng ký Hiệp ước Hoa-Pháp (28/2/1946), thỏa hiệp với nhau để Pháp được đưa quân ra Bắc, tình thế đã thay đổi. Kẻ thù chính vẫn là Pháp, nhưng kẻ thù trước mắt cần loại bỏ ngay lập tức là 20 vạn quân Tưởng. Đảng đã chuyển hướng sách lược một cách mau lẹ, sang "Hòa với Pháp để đẩy nhanh quân Tưởng về nước". Việc ký Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 chính là một nước cờ ngoại giao xuất sắc, dùng một hành động nhân nhượng với Pháp để đạt được mục tiêu chiến lược là loại bỏ được một kẻ thù nguy hiểm đang chiếm đóng ngay tại thủ đô, đồng thời có thêm thời gian hòa bình quý báu để chuẩn bị lực lượng. Đây là một điển hình

của việc "dùng kẻ thù này để đánh kẻ thù kia", một bài học kinh điển về nghệ thuật phân hóa và lợi dụng mâu thuẫn.

*Hai là, nhân nhượng có nguyên tắc, kết hợp khéo léo giữa sự mềm dẻo về sách lược và kiên quyết về chiến lược – nghệ thuật "Đĩ bất biến, ứng vạn biến".*

Trong quá trình giải quyết xung đột với Pháp, Đảng ta luôn thể hiện thiện chí hòa bình, sẵn sàng nhân nhượng để tránh chiến tranh, nhưng sự nhân nhượng đó luôn có giới hạn và không bao giờ từ bỏ nguyên tắc cốt lõi. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết bài học này một cách sâu sắc. "Bất biến" chính là mục tiêu chiến lược không bao giờ thay đổi: độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. "Vạn biến" là sự thay đổi, điều chỉnh linh hoạt về sách lược, phương pháp đấu tranh cho phù hợp với từng hoàn cảnh để phục vụ tốt nhất cho mục tiêu "bất biến".

- ✧ Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 là một mẫu mực của sự nhân nhượng có nguyên tắc. Ta chấp nhận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc và Việt Nam nằm trong khối Liên hiệp Pháp, nhưng kiên quyết đấu tranh buộc Pháp phải công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một "quốc gia tự do" ("Gouvernement français reconnaît la République démocratique du Vietnam comme un État libre"). Đây là một thắng lợi chính trị to lớn, là sự khẳng định về mặt pháp lý quốc tế đối với nền độc lập của ta, dù là chưa trọn vẹn. Thiếu tướng, GS.TS Nguyễn Hoàng Nhiên đã nhận định: "Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 là một mẫu mực về sự thỏa hiệp. Chúng ta thỏa hiệp có nguyên tắc, có ranh giới và chỉ được thỏa hiệp trong một biên độ nhất định. Và nhất quyết không để việc nhân nhượng, thỏa hiệp đi quá giới hạn, làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc"<sup>1</sup>.
- ✧ Khi cuộc đàm phán ở Fontainebleau (Pháp) bế tắc do lập trường hiếu chiến của Pháp, để cứu vãn nền hòa bình mong manh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động ký bản Tạm ước 14/9/1946, tiếp tục nhân nhượng cho Pháp thêm một số quyền lợi về kinh tế - văn hóa. Hành động này một lần nữa thể hiện sự linh hoạt, mềm dẻo tới cùng, tất cả vì mục tiêu kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài mà Đảng ta đã lường trước là không thể tránh khỏi.

*Ba là, luôn đề cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, kết hợp chặt chẽ đấu tranh ngoại giao với việc chủ động chuẩn bị thực lực cho tình huống xấu nhất.*

Bài học này cho thấy, ngoại giao chỉ có thể thành công khi có thực lực làm hậu thuẫn. Trong suốt quá trình đàm phán, hòa hoãn với Pháp, Đảng ta không một phút lơ là việc xây

---

<sup>1</sup> Trường Giang (2024), *Bài học từ Hiệp định Sơ bộ năm 1946: Thỏa hiệp có nguyên tắc, ranh giới*, <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/bai-hoc-tu-hiep-dinh-so-bo-nam-1946-thoa-hiep-co-nguyen-tac-ranh-gioi-99690>, ngày truy cập, 16/07/2025.

dụng và củng cố lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng chiến tranh bùng nổ.

- ✧ *Thiện chí hòa bình phải đi đôi với sự sẵn sàng chiến đấu*: Dù luôn tìm kiếm giải pháp hòa bình, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhận thức rõ bản chất ngoan cố của thực dân Pháp. Trong bài viết trên báo Cứu Quốc ngày 21/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Đồng bào phải theo đúng kỷ luật, phải giữ vững trật tự, chớ khiêu khích, chớ xung đột. Nhưng nếu người Pháp gây sự trước thì ta phải làm sao? Thì toàn thể đồng bào, không luận già, trẻ, gái, trai, phải nhất tề đứng dậy, phải đem tất cả vũ khí mà chống cự”<sup>1</sup>. Lời căn dặn này cho thấy sự chuẩn bị tư tưởng và tâm thế sẵn sàng chiến đấu cho toàn dân.
- ✧ *Tích cực xây dựng lực lượng*: Song song với các cuộc đàm phán, Quân đội Quốc gia Việt Nam được xây dựng thành các trung đoàn chủ lực, lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức rộng khắp. Các công xưởng sản xuất vũ khí được gấp rút xây dựng. Các căn cứ địa, khu an toàn được củng cố. Chính nhờ sự chuẩn bị chu đáo này, khi thực dân Pháp bội ước, gửi tối hậu thư và phát động chiến tranh trên cả nước, chúng ta đã không bị bất ngờ, bị động. "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh tối ngày 19/12/1946 chính là mệnh lệnh phát động một cuộc chiến tranh nhân dân đã được chuẩn bị từ trước. Lời khẳng định “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>2</sup>, chính là kết tinh của ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần tự lực, tự cường của toàn dân tộc.

### 3.2. Giá trị đối với thực tiễn trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay

#### *Một là, tình hình thế giới: Cơ hội và thách thức.*

Bối cảnh thế giới hiện nay đang chứng kiến những thay đổi sâu sắc và nhanh chóng cả về chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ và an ninh toàn cầu. Đây là giai đoạn chuyển tiếp phức tạp, nơi đan xen giữa các cơ hội phát triển lớn lao với những thách thức không nhỏ, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

#### *\* Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0)*

Thế giới ngày nay đang bước vào một thời kỳ chuyển mình sâu rộng dưới tác động mạnh mẽ của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) – một bước ngoặt lịch sử với sự hội tụ và cộng hưởng của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, in 3D, sinh học tổng hợp và điện toán đám mây. Khác với các cuộc cách mạng trước đây chỉ tập trung vào cơ giới hóa, điện khí hóa hay tự động hóa đơn lẻ, CMCN 4.0 mở ra một kỷ nguyên “siêu số hóa”, nơi dữ liệu trở thành “nguồn dầu mỏ mới” và công

<sup>1</sup> Nhà xuất bản Sự thật (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 521.

<sup>2</sup> Nhà xuất bản Sự thật (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 534.

nghe kỹ thuật số trở thành “hạ tầng mềm” của toàn bộ đời sống kinh tế – xã hội. Cuộc cách mạng này không chỉ làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, mà còn tái định hình cách con người làm việc, học tập, tiêu dùng và tương tác. Trong khi nhiều ngành nghề truyền thống dần thu hẹp do tự động hóa và robot, thì các lĩnh vực công nghệ cao như an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, thiết kế phần mềm và logistics thông minh lại bùng nổ, tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức to lớn cho các quốc gia trong hành trình phát triển và hội nhập.

Báo cáo “The Future of Jobs” của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF, 2020) cho thấy một xu hướng toàn cầu rất rõ ràng: “Ước tính đến năm 2025, thế giới sẽ mất đi khoảng 85 triệu việc làm do bị thay thế bởi công nghệ tự động, nhưng đồng thời sẽ xuất hiện 97 triệu cơ hội việc làm mới trong các ngành nghề liên quan đến sáng tạo, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo”<sup>1</sup>. Điều này phản ánh rõ một thực tế: thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển đổi mô hình lao động toàn diện, nơi kỹ năng số, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng nhanh trở thành thước đo chính cho giá trị con người trong xã hội hiện đại.

Không chỉ dừng lại ở lĩnh vực sản xuất, CMCN 4.0 còn đang định hình lại cấu trúc địa kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Các quốc gia có ưu thế về công nghệ và sáng tạo đang vươn lên mạnh mẽ, tái thiết lập các chuỗi giá trị toàn cầu, và thiết lập quyền lực mềm mới dựa trên khả năng kiểm soát dữ liệu, nền tảng số và hạ tầng công nghệ lõi. Điều này đang làm nảy sinh những hình thức cạnh tranh và bất bình đẳng mới giữa các quốc gia – không còn chỉ là sự chênh lệch về tài nguyên hay quân sự, mà là khoảng cách về công nghệ và khả năng đổi mới sáng tạo. Thêm vào đó, CMCN 4.0 cũng đặt ra những thách thức to lớn cho hệ thống chính trị, quản trị và luật pháp toàn cầu. Khi công nghệ phát triển nhanh hơn khung pháp lý, các vấn đề như quyền riêng tư dữ liệu, an ninh mạng, đạo đức AI hay việc kiểm soát các nền tảng kỹ thuật số xuyên biên giới trở thành những bài toán toàn cầu phức tạp chưa có lời giải rõ ràng. Các nước lớn, đồng thời là những trung tâm công nghệ toàn cầu, đang cạnh tranh gay gắt để khẳng định quyền lực định hình chuẩn mực và luật chơi mới trong kỷ nguyên số.

*\* Toàn cầu hóa: Xu thế phát triển và những ảnh hưởng đa chiều đến Việt Nam*

Thế giới hiện nay đang chuyển mình mạnh mẽ trong một giai đoạn phát triển mới, nơi toàn cầu hóa không chỉ là xu thế tất yếu mà đã trở thành cấu trúc nền tảng của trật tự quốc tế hiện đại. Với sự lan tỏa sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực – từ kinh tế, chính trị, văn hóa đến khoa học – công nghệ và an ninh – toàn cầu hóa đã phá vỡ mọi ranh giới truyền thống, kết nối các quốc gia thành một mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ và phức tạp. Động lực của tiến trình này chính là sự bùng nổ của công nghệ số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và các phương tiện vận tải – truyền thông hiện đại, đưa dòng chảy hàng hóa, vốn, dữ liệu và tri thức vượt qua biên giới nhanh hơn bao giờ hết. Một đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới

---

<sup>1</sup> World Economic Forum. (2020). *The Future of Jobs Report 2020*. <https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2020>

hiện nay là sự dịch chuyển mạnh mẽ của quyền lực kinh tế – chính trị từ phương Tây sang khu vực châu Á – Thái Bình Dương, nơi các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và ASEAN đang vươn lên đóng vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng toàn cầu và định hình luật chơi mới trong thương mại, công nghệ và địa chiến lược. Cùng với đó là sự gia tăng nhanh chóng của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP..., không chỉ mở rộng phạm vi hợp tác kinh tế mà còn đặt ra các tiêu chuẩn cao về môi trường, lao động, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi số.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm bộc lộ những bất ổn và mâu thuẫn sâu sắc. Sự phụ thuộc lẫn nhau khiến các nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những cú sốc mang tính hệ thống như khủng hoảng chuỗi cung ứng, chiến tranh thương mại Mỹ – Trung, xung đột Nga – Ukraine hay căng thẳng leo thang tại Biển Đông và eo biển Đài Loan. Mặt khác, khoảng cách giàu – nghèo, bất bình đẳng cơ hội và sự phân hóa xã hội ngày càng gia tăng cả ở cấp quốc gia lẫn toàn cầu, làm dấy lên làn sóng chủ nghĩa dân túy, bảo hộ thương mại và hoài nghi đối với hội nhập quốc tế.

Toàn cầu hóa không chỉ đơn thuần là tiến trình kinh tế, mà còn là một cuộc va chạm văn hóa – xã hội quy mô lớn. Nó vừa mở rộng không gian giao lưu, thúc đẩy các giá trị chung như dân chủ, nhân quyền và sáng tạo, vừa đặt ra nguy cơ xói mòn bản sắc, gia tăng nguy cơ đồng hóa văn hóa, cùng với các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng như tội phạm mạng, khủng bố xuyên quốc gia và biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, điều thế giới cần không chỉ là tăng cường kết nối, mà còn là sự điều chỉnh để toàn cầu hóa trở nên công bằng, bền vững và nhân văn hơn trong kỷ nguyên đầy biến động này.

*\* Hội nhập quốc tế - Cơ hội chiến lược và yêu cầu đổi mới toàn diện đối với Việt Nam*

Trong bối cảnh thế giới đang trải qua những biến chuyển sâu sắc bởi làn sóng toàn cầu hóa, cạnh tranh địa chính trị ngày càng quyết liệt và tác động sâu rộng của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập quốc tế đã vượt ra khỏi khuôn khổ của một xu hướng phát triển, trở thành một lựa chọn chiến lược sống còn đối với mọi quốc gia. Hội nhập giờ đây không chỉ là việc mở cửa thị trường hay thu hút đầu tư, mà còn là thước đo phản ánh tầm nhìn chiến lược, năng lực quản trị quốc gia và vị thế trên trường quốc tế. Sự lan tỏa mạnh mẽ của toàn cầu hóa với các liên kết chặt chẽ về kinh tế, công nghệ, tài chính và dữ liệu đang làm mờ dần các ranh giới truyền thống giữa các quốc gia. Đồng thời, Cách mạng công nghiệp 4.0 – với những đột phá về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số – đang tái định hình chuỗi giá trị toàn cầu, làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất và mô hình tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, quốc gia nào chủ động thích ứng, tận dụng tốt các cơ hội từ hội nhập sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững, trong khi những quốc gia thiếu chuẩn bị sẽ dễ bị gạt ra bên lề tiến trình toàn cầu.



Hơn ba mươi năm đổi mới đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện nhất khu vực. Trên phương diện kinh tế, Việt Nam đã tham gia hơn 15 hiệp định thương mại tự do, trong đó có các hiệp định thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP; thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 quốc gia và là thành viên tích cực của hơn 70 tổ chức quốc tế. Hội nhập đã góp phần mở rộng dư địa phát triển, thúc đẩy cải cách thể chế, nâng cao vị thế quốc gia và tạo động lực chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tuy nhiên, đi cùng với cơ hội là hàng loạt thách thức: áp lực cạnh tranh gay gắt, rủi ro từ các biến động toàn cầu, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và những yếu tố nội tại như chất lượng nguồn nhân lực, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý.

Trong bối cảnh đó, hội nhập quốc tế không thể chỉ dừng lại ở việc ký kết các hiệp định hay mở rộng thương mại, mà phải là một quá trình đổi mới toàn diện về tư duy chiến lược, cải cách thể chế, nâng cấp năng lực cạnh tranh và xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ nhưng có khả năng kết nối sâu rộng và linh hoạt với hệ thống toàn cầu. Đây chính là con đường để Việt Nam không chỉ phát triển bền vững trong nước mà còn khẳng định vai trò tích cực trong việc kiến tạo một trật tự thế giới công bằng, hòa bình và phát triển.

*\* Thuận lợi, khó khăn và âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng*

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển mình sâu sắc với những biến động khó lường, hội nhập quốc tế không còn là lựa chọn, mà là điều kiện sống còn đối với mọi quốc gia – đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cùng những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu và an ninh phi truyền thống đang tái định hình cục diện thế giới. Trước làn sóng toàn cầu hóa và chuyển đổi số, hội nhập không chỉ mở rộng dư địa phát triển, mà còn đòi hỏi bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực quản trị hiện đại và khả năng giữ vững chủ quyền trong môi trường đầy biến động.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0 tiếp tục định hình thế giới, các quốc gia – đặc biệt là những nước đang phát triển – đang đứng trước cơ hội vàng để rút ngắn khoảng cách phát triển thông qua việc tận dụng công nghệ mới và hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Những đột phá về AI, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và năng lượng tái tạo đang làm thay đổi căn bản cấu trúc kinh tế thế giới. Như Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, 2023) nhấn mạnh: “Tăng trưởng việc làm toàn cầu trong thập niên tới sẽ chủ yếu đến từ các lĩnh vực liên quan đến AI, chuyển đổi số, và kinh tế xanh”<sup>1</sup> - điều này mở ra những hướng đi mới cho các quốc gia năng động. Đồng thời, xu thế liên kết kinh tế khu vực thông qua các hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP, RCEP, hay EVFTA

---

<sup>1</sup> World Economic Forum. (2020). *The Future of Jobs Report 2020*. <https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2020>

giúp thúc đẩy sự chuyển dịch dòng vốn đầu tư chất lượng cao, nâng cao năng lực đàm phán và cải cách thể chế trong nước. Theo Bộ Công Thương (2024), “tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 đạt trên 370 tỷ USD”<sup>1</sup> - một con số minh chứng rõ ràng cho mức độ hội nhập sâu của các nền kinh tế mới nổi. Bên cạnh đó, các vấn đề xuyên quốc gia như biến đổi khí hậu, an ninh mạng và dịch bệnh toàn cầu cũng đang thúc đẩy xu thế hợp tác đa phương và định hình lại nhận thức toàn cầu về phát triển bền vững. Nếu tận dụng tốt những điều kiện khách quan này, các quốc gia hoàn toàn có thể tạo ra bước nhảy vọt trong quá trình phát triển, từng bước khẳng định vị thế trong trật tự thế giới mới đang hình thành.

Song hành với những cơ hội mà hội nhập mang lại là những thách thức ngày càng phức tạp, đan xen và khó lường. Áp lực cạnh tranh gia tăng trong bối cảnh các chuỗi giá trị toàn cầu đang được tái định hình bởi xung đột địa chính trị và làn sóng bảo hộ thương mại quay trở lại. Khi các quốc gia lớn tận dụng lợi thế công nghệ lõi và thiết lập chuẩn mực mới cho thị trường, những nền kinh tế còn hạn chế về năng lực nội sinh, như Việt Nam, sẽ đứng trước nguy cơ tụt hậu nếu không nhanh chóng nâng cấp năng lực cạnh tranh quốc gia. Cùng với đó, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục đặt ra yêu cầu khắt khe về đổi mới công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi khoảng cách về kỹ năng số, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng toàn cầu vẫn là điểm nghẽn đáng lo ngại. Thêm vào đó, những cú sốc toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng và bất ổn tài chính đang lan rộng với cường độ và tần suất ngày càng lớn, làm nổi bật tính dễ tổn thương của các nền kinh tế hội nhập sâu nhưng chưa có nền tảng tự chủ đủ mạnh. Trong bối cảnh ấy, xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn liền với hội nhập sâu rộng, linh hoạt và hiệu quả không chỉ là định hướng chiến lược, mà là điều kiện sống còn để ứng phó với những biến động toàn cầu ngày càng khốc liệt. Đặc biệt, trong không gian số và môi trường thông tin mở, các mối đe dọa phi truyền thống trở nên tinh vi và nguy hiểm hơn bao giờ hết. Các thế lực thù địch đang triệt để khai thác mạng xã hội, truyền thông đa chiều và các tổ chức trá hình để gieo rắc thông tin sai lệch, gây nhiễu loạn dư luận, kích động chia rẽ nội bộ và phá hoại nền tảng tư tưởng – văn hóa của quốc gia. Chiến tranh mạng, gián điệp công nghệ và thao túng nhận thức công chúng đang dần trở thành những hình thức can thiệp “mềm” nhưng đầy uy lực, gây thách thức nghiêm trọng cho ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia.

Trước tình hình đó, hội nhập quốc tế không thể hiểu đơn giản là mở rộng giao thương hay ký kết các hiệp định, mà phải là một quá trình đổi mới toàn diện và sâu sắc. Nó đòi hỏi một tầm nhìn chiến lược dài hạn, bản lĩnh chính trị kiên định, thể chế linh hoạt và năng lực quản trị hiện đại. Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời đại số, nâng cao năng lực nội sinh và giữ vững an ninh – chủ quyền quốc gia trong môi trường toàn cầu hóa đầy biến động. Chỉ khi hội nhập gắn liền với tự cường và

<sup>1</sup> Bộ Công Thương. (2024, 16 tháng 5). Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2023. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/bo-cong-thuong-cong-bo-bao-cao-xuat-nhap-khau-viet-nam-2023.html>

làm chủ vận mệnh, đất nước mới có thể vững vàng vượt qua thử thách, vươn lên mạnh mẽ và khẳng định vai trò tích cực trong cục diện thế giới đang định hình lại.

### ***Hai là, tình hình Việt Nam và nhiệm vụ cần thực hiện***

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, hội nhập quốc tế trở thành động lực then chốt cho phát triển, đặc biệt với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Quá trình này không chỉ mở ra cơ hội bứt phá về kinh tế, khoa học – công nghệ và vị thế quốc tế, mà còn đặt ra nhiều thách thức lớn. Thực tiễn kinh tế – xã hội thời gian qua cho thấy Việt Nam đang có nhiều tín hiệu tích cực, nhưng cũng đối mặt với không ít khó khăn, đòi hỏi cần có chiến lược phát triển phù hợp, hiệu quả và bền vững để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức.

#### ***\* Thực tiễn kinh tế, xã hội Việt Nam hiện nay***

Những năm gần đây, Việt Nam đã thể hiện rõ vai trò là một quốc gia chủ động, tích cực và ngày càng bản lĩnh trong tiến trình hội nhập quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Việt Nam không chỉ khẳng định vị thế trên trường quốc tế thông qua việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với 13 quốc gia, tham gia sâu rộng vào hơn 70 tổ chức quốc tế lớn như ASEAN, WTO, APEC, mà còn giữ vững môi trường chính trị ổn định – nền tảng thiết yếu cho tăng trưởng bền vững.

Trên phương diện kinh tế, Việt Nam tiếp tục là điểm sáng tại khu vực. Năm 2024, bất chấp những bất ổn từ bên ngoài, *“Việt Nam vẫn giữa vững đà tăng trưởng 7,09% với nhiều kết quả quan trọng được cộng đồng quốc tế, doanh nghiệp đánh giá cao”*<sup>1</sup>. Song song với đó, kinh tế số cũng phát triển mạnh mẽ, tính đến năm 2024, *“quy mô nền kinh tế số Việt Nam ước tính đạt khoảng 30 tỷ USD, đứng thứ hai khu vực Đông Nam Á”*<sup>2</sup>. Quá trình chuyển đổi số, cải cách thể chế và thu hút đầu tư nước ngoài đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Sự hiện diện ngày càng rõ nét của các tập đoàn công nghệ hàng đầu như NVIDIA, Google... cho thấy Việt Nam đang dần bước vào chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu, không chỉ là nơi tiêu dùng, mà còn là nơi sáng tạo. Tuy nhiên, bức tranh phát triển không hoàn toàn màu hồng. Việt Nam vẫn là nền kinh tế đang chuyển đổi, chưa thật sự ổn định và bền vững. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào *“bẫy thu nhập trung bình”* vẫn còn hiện hữu do năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng chưa cao. Sự phụ thuộc lớn vào thị trường và doanh nghiệp nước ngoài làm gia tăng tính dễ tổn thương khi môi trường toàn cầu biến động. Bên cạnh đó, các vấn đề xã hội và môi trường đang nổi lên ngày càng gay gắt: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, tốc độ già hóa dân số nhanh, chất lượng dân số chưa cao, tạo áp lực lớn lên hệ thống an sinh xã hội và lực lượng lao động. Quá trình đô thị hóa nhanh nhưng

<sup>1</sup> Quân đội Nhân dân. (2025). *Kinh tế Việt Nam khởi sắc*. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/kinh-te-viet-nam-khoi-sac-810350>

<sup>2</sup> Đinh Thị Thu Hương (2025, tháng 7 11). *Đẩy mạnh chuyển đổi số ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và định hướng phát triển*. Kinh tế & Dự báo. <https://kinhtevadubao.vn/day-manh-chuyen-doi-so-o-viet-nam-thuc-trang-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien-31331.html>



thiếu quy hoạch đồng bộ càng làm gia tăng những thách thức về hạ tầng, môi trường sống và chất lượng đô thị.

Về đối ngoại, bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc như Mỹ – Trung, Nga – phương Tây đang đặt Việt Nam trước nhiều lựa chọn khó khăn. Sự xung đột lợi ích giữa các bên lớn khiến Việt Nam phải giữ vững bản lĩnh cân bằng chiến lược để bảo đảm lợi ích quốc gia trong khi vẫn duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển. Đặc biệt, mối quan hệ với Trung Quốc – đối tác lớn và láng giềng gần – chứa đựng không ít thách thức. Trung Quốc vừa là thị trường xuất khẩu nông sản quan trọng, vừa là nguồn cung nguyên vật liệu lớn, nhưng cũng là bên nhiều lần áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu, dựng rào cản kỹ thuật, thậm chí sử dụng chiến lược “*bẫy phụ thuộc*”. Trên Biển Đông, Trung Quốc gia tăng hiện diện quân sự, áp đặt yêu sách chủ quyền phi pháp, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh hàng hải và chủ quyền biển đảo Việt Nam. Không chỉ Trung Quốc, Việt Nam cũng chịu áp lực ngày càng gia tăng từ Hoa Kỳ – đối tác chiến lược toàn diện mới. Mỹ yêu cầu kiểm soát gắt gao nguồn gốc nguyên liệu để tránh tình trạng “*gắn nhãn Việt Nam*” cho hàng hóa Trung Quốc trung chuyển; đồng thời, gây sức ép nhằm giới hạn sự hợp tác giữa Việt Nam với các doanh nghiệp công nghệ Trung Quốc. Đây là bài toán khó đòi hỏi Việt Nam phải giữ vững nguyên tắc “*đa phương hóa, đa dạng hóa*”, không để bị cuốn vào các vòng xoáy cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc. Bên cạnh những thách thức truyền thống, các nguy cơ an ninh phi truyền thống đang nổi lên với tính chất ngày càng phức tạp và khó kiểm soát. Không gian mạng đã trở thành mặt trận mới, nơi các thế lực thù địch triệt để lợi dụng để kích động biểu tình, lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây rối loạn xã hội và làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Đáng lo ngại hơn, các hành vi phá hoại trong các khu công nghiệp liên doanh với nước ngoài không chỉ gây tổn thất kinh tế và môi trường, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh – quốc phòng và niềm tin của các nhà đầu tư chiến lược.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang đứng trước thời cơ mang tính bước ngoặt để vươn lên mạnh mẽ và khẳng định vai trò trong khu vực cũng như toàn cầu. Tuy nhiên, để biến cơ hội thành hiện thực, đòi hỏi một tầm nhìn chiến lược dài hạn, bản lĩnh chính trị vững vàng và sự chủ động thích ứng linh hoạt. Chỉ bằng cách giữ vững độc lập, tự chủ, nâng cao năng lực nội sinh và kiên định con đường phát triển bền vững, Việt Nam mới có thể vượt qua sóng gió, đồng thời đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung của khu vực và thế giới.

Trước thực trạng đó, để tận dụng tối đa cơ hội từ hội nhập quốc tế, đồng thời vượt qua các thách thức, Việt Nam cần triển khai đồng bộ một số nhiệm vụ trọng tâm. Trước hết là tiếp tục cải cách thể chế, hoàn thiện khung pháp luật, cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch, cạnh tranh và ổn định. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là then chốt -

trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo nghề, kỹ năng mềm, ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ số nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động toàn cầu. Bên cạnh đó, Việt Nam cần ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, đặc biệt là các lĩnh vực đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, phục vụ chuyển đổi số. Đồng thời, cần tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nội địa, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong việc tiếp cận tài chính, công nghệ, thông tin thị trường và nâng cao năng lực quản trị. Cuối cùng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường cần được xác lập là trụ cột trong chiến lược quốc gia, thông qua các biện pháp giảm thiểu phát thải, ứng phó biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên hợp lý, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

*\* Chiến lược đối ngoại của Việt Nam: Hợp tác, đấu tranh và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc*

Trong bối cảnh quốc tế đầy biến động, với cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các siêu cường như Hoa Kỳ và Trung Quốc, Việt Nam đã và đang theo đuổi một đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình và hội nhập sâu rộng. Chính sách đối ngoại ấy được ví như “ngoại giao cây tre” – mềm mại nhưng kiên cường, linh hoạt nhưng không đánh mất nguyên tắc. Trong một thế giới đầy thách thức và chuyển động, Việt Nam không chọn phe, mà chọn cách hành xử khôn ngoan, bản lĩnh, nhằm bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia – dân tộc, duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

*Thứ nhất, Việt Nam cần kiên định theo đuổi chiến lược cân bằng quan hệ với Hoa Kỳ và Trung Quốc thông qua một chính sách đối ngoại khôn khéo, bản lĩnh và dựa trên nền tảng tự chủ quốc gia.*

Nguyên tắc “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” không chỉ là kim chỉ nam mang tính định hướng mà còn là phương thức hành động linh hoạt, phù hợp với thực tiễn đối ngoại trong một thế giới đầy biến động. Trước sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các cường quốc, Việt Nam lựa chọn giữ thế cân bằng, tránh rơi vào trạng thái lệ thuộc hoặc bị cuốn vào các liên minh đối đầu, đồng thời vẫn giữ vững lập trường và chủ quyền trong hoạch định chính sách. Bằng cách chủ động tận dụng các cơ hội hợp tác quốc tế, Việt Nam không những thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển khoa học – công nghệ, mà còn từng bước nâng cao vị thế, uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

Đối với Hoa Kỳ – một đối tác có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực đầu tư, công nghệ và quốc phòng – Việt Nam chủ động mở rộng hợp tác trên nhiều phương diện. Việc nâng cấp quan hệ lên “Đối tác chiến lược toàn diện” vào năm 2023 không chỉ mang ý nghĩa chính trị biểu tượng mà còn thể hiện tầm nhìn dài hạn trong việc tiếp cận khoa học công nghệ cao và chuỗi giá trị toàn cầu. Những tập đoàn công nghệ lớn như Intel, Apple, Google, hay NVIDIA đã đầu tư hàng tỷ USD vào Việt Nam, biến Việt Nam thành một trung tâm sản xuất quan trọng của khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Điều này không chỉ góp phần chuyển đổi mô

hình tăng trưởng theo hướng dựa vào công nghệ, mà còn giúp Việt Nam bứt phá trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, sự hợp tác này không đồng nghĩa với sự lệ thuộc. Khi Hoa Kỳ áp đặt các chính sách thương mại thiếu công bằng hoặc gây sức ép, Việt Nam luôn giữ vững lập trường bảo vệ lợi ích chính đáng của mình thông qua các kênh đối thoại song phương và đa phương, thể hiện tinh thần độc lập và tự chủ trong điều hành kinh tế đối ngoại.

Với Trung Quốc – đối tác thương mại lớn nhất và là láng giềng có nhiều điểm tương tác địa chính trị phức tạp – Việt Nam duy trì đường lối ngoại giao tỉnh táo và linh hoạt. Dù duy trì quan hệ “*đối tác hợp tác chiến lược toàn diện*”, Việt Nam vẫn chủ động giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu, linh kiện và công nghệ từ Trung Quốc, vốn là những điểm yếu dễ bị tổn thương trong bối cảnh cạnh tranh kinh tế hiện nay. Việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và mở rộng quan hệ với các đối tác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và khối EU là một phần trong chiến lược “*đa phương hóa – đa dạng hóa*” để gia tăng sức đề kháng chiến lược, đảm bảo an ninh kinh tế và công nghệ trong dài hạn.

Tư tưởng nền tảng của chiến lược ngoại giao này được cựu Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng diễn đạt một cách rõ ràng và súc tích: “*Chúng ta vừa hợp tác vừa đấu tranh không chỉ với Trung Quốc mà với tất cả các nước. Vừa đấu tranh để có hòa bình, giữ vững độc lập chủ quyền, vừa hợp tác để cùng phát triển mà vẫn bảo vệ lợi ích chính đáng của quốc gia*”<sup>1</sup> (Dân Việt, 2014). Câu nói trên không chỉ thể hiện sự linh hoạt trong chính sách đối ngoại mà còn thể hiện chiều sâu tư tưởng chiến lược của Việt Nam – một đất nước từng trải qua chiến tranh, thấm nhuần giá trị của hòa bình, nhưng không đánh đổi chủ quyền để lấy quan hệ hữu nghị, và cũng không ngả theo bất kỳ sức ép nào từ bên ngoài. Thái độ ấy chính là biểu hiện của một nền ngoại giao bản lĩnh, độc lập và nhân văn – lấy phát triển quốc gia làm mục tiêu trung tâm, đồng thời giữ vững quyền tự quyết trước mọi cơn sóng ngầm của chính trị quốc tế.

*Thứ hai, bảo vệ chủ quyền quốc gia, đặc biệt là giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông, được xác định là lợi ích tối thượng của quốc gia – dân tộc, là mệnh lệnh thiêng liêng từ lịch sử và kim chỉ nam định hướng mọi hoạt động đối ngoại của Việt Nam.*

Trong bối cảnh Biển Đông tồn tại những tranh chấp phức tạp và là nơi giao thoa lợi ích chiến lược của các cường quốc, Việt Nam xác định một đường lối nhất quán và kiên định: *giải quyết mọi bất đồng bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, kiên quyết phản đối việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực*. Đây không phải là một lập trường thụ

---

<sup>1</sup> Dân Việt. (2014). *Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Vừa hợp tác, vừa đấu tranh với Trung Quốc*. Truy cập từ <https://danviet.vn/thu-tuong-chinh-phu-nguyen-tan-dung-vua-hop-tac-vua-dau-tranh-voi-trung-quoc-7777505219-d341111.html>

động, mà là biểu hiện của một chính sách đối ngoại tự chủ, khôn ngoan và đầy bản lĩnh, nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để hợp tác và phát triển.

Trọng tâm của lập trường này là việc thượng tôn pháp luật quốc tế, mà trụ cột là Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982. Việt Nam không chỉ là thành viên tích cực mà còn luôn đề cao vai trò của UNCLOS như "*Hiến pháp của các đại dương*", coi đây là khuôn khổ pháp lý toàn diện và duy nhất để xác định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia trên biển. Quan điểm của Việt Nam rất rõ ràng: *mọi yêu sách và hành động đều phải phù hợp với các quy định của công ước*. Do đó, Việt Nam phải kiên quyết đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm chủ quyền dựa trên những bằng chứng lịch sử xác thực và cơ sở pháp lý vững chắc được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Như người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã khẳng định: "*Việt Nam một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa phù hợp với luật pháp quốc tế, và các quyền hợp pháp đối với các vùng biển của Việt Nam, được xác lập phù hợp với UNCLOS 1982*"<sup>1</sup>.

Trên nền tảng pháp lý và chính nghĩa đó, thay vì lựa chọn đối đầu quân sự đầy rủi ro, Việt Nam chủ động và kiên trì sử dụng các biện pháp ngoại giao, đối thoại và vận động quốc tế. Mục tiêu là tạo ra sức ép hòa bình, xây dựng lòng tin và tìm kiếm một giải pháp bền vững cho các tranh chấp. Cụ thể, Việt Nam tích cực thúc đẩy các cơ chế đa phương như ASEAN và Liên Hợp Quốc, nỗ lực cùng các nước xây dựng và thực thi đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và sớm đạt được một Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) hiệu quả, thực chất. Đồng thời, Việt Nam chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, sẵn sàng hợp tác với Hoa Kỳ và các đối tác khác trong việc nâng cao năng lực hàng hải, chia sẻ thông tin, nhằm góp phần duy trì hòa bình và tự do hàng hải. Tuy nhiên, mọi sự hợp tác luôn được đặt trong một nguyên tắc bất biến: giữ vững độc lập, tự chủ và không để bị lôi kéo vào các liên minh quân sự chống lại một quốc gia khác. Đây chính là nội hàm của chính sách quốc phòng "*Bốn không*" đã được công bố: "*Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế*"<sup>2</sup>. Chính sách này không chỉ giúp Việt Nam tránh được thế kẹt trong cạnh tranh nước lớn mà còn khẳng định vị thế là một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Tóm lại, việc kiên quyết bảo vệ chủ quyền bằng các giải pháp hòa bình là một sách lược toàn diện, thể hiện tầm nhìn chiến lược dài hạn, kết

<sup>1</sup> Quân đội Nhân dân. (2023, 15 tháng 7). *Việt Nam tái khẳng định chủ trương nhất quán về vấn đề Biển Đông*. Quân đội Nhân dân. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/viet-nam-tai-khang-dinh-chu-truong-nhat-quan-ve-van-de-bien-dong-734628.congly.vn+3qdnd.vn+3baomoi.com+3>

<sup>2</sup> Thư viện Pháp luật. (23/11/2024). *Chính sách quốc phòng "Bốn không" của Việt Nam trong quan hệ quốc tế gồm gì?* Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A4E60-hd-chinh-sach-quoc-phong-bon-khong-cua-viet-nam-trong-quan-he-quoc-te-gom-gi.html>

hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh chính nghĩa, nền tảng pháp lý và đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, vì lợi ích tối thượng của quốc gia - dân tộc và vì hòa bình, hợp tác trong khu vực và trên thế giới.

*Thứ Ba, chủ động nâng cao và củng cố nội lực quốc gia – nền tảng vững chắc cho chính sách đối ngoại hiệu quả của Việt Nam.*

Sức mạnh nội tại chính là nền tảng bền vững, là cội nguồn quyết định mọi thắng lợi trên hành trình phát triển, nhất là trong bối cảnh quốc tế đầy biến động và cạnh tranh gay gắt. Truyền thống dựng nước và giữ nước qua hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam đã hun đúc một nhận thức sâu sắc: chỉ khi quốc gia sở hữu một thực lực vững chắc và toàn diện, thì mọi chiến lược ngoại giao dù tài tình, khôn khéo đến đâu mới có thể phát huy tối đa hiệu quả, chủ động điều hướng các thế lực bên ngoài và kiên quyết tránh được sự áp đặt, chi phối từ những cường quyền bên ngoài. Đó chính là sức mạnh nội sinh – giá trị cốt lõi làm nên bản lĩnh và vị thế độc lập tự chủ của đất nước. Quan điểm sâu sắc này đã được Tạp chí Cộng sản (2018) khẳng định một cách mạnh mẽ: *"Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng tiếng mới lớn"*<sup>1</sup> (Tạp chí Cộng sản, 2018). Đây không chỉ là một khẩu hiệu, mà là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, trong nhiều năm qua, Việt Nam đã tập trung củng cố nội lực trên nhiều phương diện. Chúng ta đã chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư vào giáo dục và đào tạo để trang bị cho thế hệ trẻ kiến thức và kỹ năng cần thiết trong kỷ nguyên số. Song song với đó, việc phát triển hạ tầng công nghệ hiện đại là ưu tiên hàng đầu, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số quốc gia. Việt Nam cũng thực hiện chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên những dự án mang lại giá trị gia tăng cao và công nghệ tiên tiến, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững. Như Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc (2022) đã nhấn mạnh: *"Phát huy 'nội lực' kết hợp 'với ngoại lực' để làm mạnh thêm 'quốc lực', vì một Việt Nam độc lập, hòa bình, hạnh phúc và phồn vinh"*<sup>2</sup> (Nguyễn Xuân Phúc, 2022).

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, Việt Nam đã chủ động thay đổi mô hình tăng trưởng, từ việc dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ sang dựa vào đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất chất lượng. Minh chứng rõ nét nhất là việc chúng ta đã thu hút thành công nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới như Apple, Samsung, Intel, Microsoft mở rộng

<sup>1</sup> Đỗ Ngọc Hanh. (2025, ngày 18 tháng 5). *Hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng góp phần đưa đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới*. Tạp chí Cộng sản. [https://www.tapchicongsan.org.vn/en\\_US/web/guest/trang-ia-phuong1/-/2018/1085502/view\\_content](https://www.tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/trang-ia-phuong1/-/2018/1085502/view_content)

<sup>2</sup> Tạp chí Cộng sản. (31/08/2022). *Việt Nam cần sự kết nối, chia sẻ và chung tay của cộng đồng quốc tế*. [https://www.tapchicongsan.org.vn/en/web/guest/tieu-iem1/-/asset\\_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/viet-nam-can-su-ket-noi-chia-se-va-chung-tay-cua-cong-dong-quoc-te](https://www.tapchicongsan.org.vn/en/web/guest/tieu-iem1/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/viet-nam-can-su-ket-noi-chia-se-va-chung-tay-cua-cong-dong-quoc-te)



đầu tư và sản xuất tại Việt Nam. Sự hiện diện của những "người khổng lồ" này không chỉ mang lại nguồn vốn và công nghệ tiên tiến mà còn góp phần nâng cao năng lực công nghệ quốc gia, thúc đẩy một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo sôi động. Tuy nhiên, đi đôi với việc thu hút đầu tư, Việt Nam cũng đặc biệt chú trọng đến yêu cầu giảm phụ thuộc vào một nguồn cung ứng duy nhất, đặc biệt là với Trung Quốc – quốc gia hiện chiếm tỷ trọng lớn trong chuỗi cung ứng linh kiện và vật tư đầu vào. Để đảm bảo tính tự chủ chiến lược, Việt Nam đang tích cực tìm kiếm và đa dạng hóa các nguồn thay thế từ những đối tác đáng tin cậy như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ hay Liên minh Châu Âu (EU). Đây là một chiến lược then chốt, được TS. Nguyễn Quốc Việt, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), nhấn mạnh rằng: *"hợp tác liên kết trong chuỗi cung ứng theo hướng nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến góp phần giúp doanh nghiệp phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng hiệu quả, mở rộng thị trường xuất khẩu và khai thác tốt lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới"*<sup>1</sup> (Nguyễn Quốc Việt, 2024).

Cùng với đó, trong lĩnh vực quốc phòng, Việt Nam không ngừng đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng trong nước với mục tiêu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại hóa. Đặc biệt, đến năm 2025, Quân đội sẽ được cơ bản xây dựng theo hướng tinh gọn, mạnh mẽ, làm nền tảng vững chắc để phấn đấu đến năm 2030 trở thành lực lượng nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại hàng đầu. Thành tựu này không chỉ nâng cao năng lực phòng thủ độc lập mà còn giúp Việt Nam ứng phó linh hoạt và hiệu quả với mọi thách thức an ninh, từ truyền thống đến phi truyền thống, qua đó khẳng định vững chắc vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

Giữa dòng chảy biến động không ngừng của thế giới và những cạnh tranh chiến lược khốc liệt giữa các cường quốc, Việt Nam kiên định bước đi trên con đường đối ngoại độc lập, tự chủ và hòa bình – như hình ảnh “ngoại giao cây tre” mềm dẻo nhưng kiên cường, linh hoạt nhưng không đánh mất bản sắc và nguyên tắc. Việt Nam khéo léo cân bằng quan hệ với Hoa Kỳ và Trung Quốc, vừa mở rộng hợp tác để phát triển toàn diện, vừa kiên quyết đấu tranh bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng, đặc biệt trên Biển Đông – nơi biểu tượng cho chủ quyền và sinh tồn quốc gia. Lấy luật pháp quốc tế làm nền tảng, Việt Nam không ngừng đa phương hóa và đa dạng hóa chuỗi cung ứng, giúp đất nước gia tăng sức đề kháng chiến lược và vững bước trên con đường hội nhập toàn cầu. Tất cả đều được củng cố bởi sức mạnh nội sinh – một nội lực toàn diện từ phát triển kinh tế, nâng cao nguồn nhân lực đến hiện đại hóa quốc phòng. Như lời Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc khẳng định, chỉ khi phát huy hài hòa giữa “nội lực” và “ngoại lực”, Việt Nam mới thực sự vững vàng, thịnh vượng và tự chủ trên trường quốc tế, giữ vững hòa bình, độc lập và phát triển bền vững cho dân tộc.

<sup>1</sup> Hạnh Lê. (2024, ngày 26 tháng 6). *Chìa khoá để đa dạng chuỗi cung ứng*. Diễn đàn Doanh nghiệp. Truy cập ngày 16 tháng 7 năm 2025, từ <https://diendandoanhngiep.vn/chia-kho-a-de-da-dang-chuoi-cung-ung-10136184.html>

### 3.3. Giá trị đối với sinh viên trong xác định nhiệm vụ cần thực hiện

Từ những bài học lịch sử của dân tộc trong giai đoạn giải quyết xung đột với Pháp trước khi phát động kháng chiến toàn quốc 12/1946 đến thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), thế hệ sinh viên Việt Nam ngày nay cũng như những chủ nhân tương lai của đất nước đứng trước một sứ mệnh lịch sử. Nếu các thế hệ ông cha đã phải đối mặt với súng đạn của kẻ thù xâm lược để giành và giữ nền độc lập, thì thế hệ trẻ ngày nay phải đối mặt với những thách thức mới của cuộc chiến chống lại nguy cơ tụt hậu về kinh tế - công nghệ, sự chống phá của thế lực thù địch. Do đó, nhiệm vụ của sinh viên không chỉ gói gọn trong việc học tập trên giảng đường, mà còn là một quá trình rèn luyện toàn diện để trở thành những chiến sĩ trên mặt trận tri thức, hội nhập và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Những giá trị được đúc kết từ quá khứ chính là ánh sáng soi đường cho thế hệ trẻ ngày nay xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mình.

Một là, trách nhiệm chính trị và đạo đức của sinh viên trong việc khẳng định và duy trì sự thật lịch sử, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và xóa bỏ các luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch.

Đây là sự kế thừa trực tiếp bài học có tính nguyên tắc là độc lập dân tộc và giữ vững sự lãnh đạo của Đảng. Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đang lợi dụng sự phát triển của Internet và mạng xã hội để tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, gây hoang mang, dao động, làm phai nhạt lý tưởng cách mạng trong thế hệ trẻ, từ đó làm suy yếu sức mạnh của dân tộc từ bên trong. Vì vậy, độc lập dân tộc trong thời đại mới còn phải bao hàm cả độc lập về tư tưởng, chủ quyền về văn hóa và an ninh xã hội và không gian mạng. Nhiệm vụ của sinh viên là vận dụng tri thức để trở thành những người lính tiên phong trên mặt trận tư tưởng.

Tự giác học tập, nghiên cứu nền tảng lý luận của Đảng. Nền tảng lý luận của Đảng, bao gồm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là vũ khí lý luận sắc bén cho mọi hành động cách mạng. Việc học tập các môn lý luận chính trị không phải là để thuộc lòng những câu chữ, mà là để hiểu sâu sắc bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn của hệ tư tưởng này. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: *“Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ ta”*<sup>1</sup>. Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong sinh viên ngày càng được thể hiện rõ qua các cuộc thi Olympic toàn quốc các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 109

tổ chức thu hút hàng triệu sinh viên tham gia mỗi năm. Ví dụ như, Hội thi "Ánh sáng soi đường" năm 2023 đã có hơn 1,2 triệu lượt sinh viên từ 600 trường đại học, cao đẳng trên cả nước tham gia<sup>1</sup>. Điều này cho thấy sự quan tâm và nỗ lực của sinh viên trong việc tìm hiểu, nắm vững lý luận, biến lý luận thành nhận thức và hành động. Các câu lạc bộ lý luận tại các trường đại học cũng hoạt động sôi nổi, tạo ra môi trường để sinh viên trao đổi, thảo luận, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao nhận thức chính trị.

Rèn luyện tư duy phản biện và nâng cao lý trí trên không gian mạng. Sự bùng nổ của CMCN 4.0 và mạng xã hội đã biến không gian mạng thành một mặt trận tư tưởng phức tạp. Theo báo cáo của We Are Social năm 2024, Việt Nam có khoảng 78 triệu người dùng Internet, trong đó có phần lớn là thanh niên, sinh viên<sup>2</sup>. Đây vừa là cơ hội để tiếp cận thông tin, tri thức, vừa là môi trường tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các thế lực thù địch lợi dụng tính ẩn danh và tốc độ lan truyền chóng mặt của mạng xã hội để tung tin giả nhằm xuyên tạc lịch sử thật, bôi nhọ lãnh đạo, kích động tư tưởng cực đoan, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Ví dụ như trong năm gần đây, các thế lực thù địch đã xuyên tạc ý nghĩa của các ngày lễ kỷ niệm quan trọng, bóp méo sự thật nhằm hạ giá trị của các sự kiện lịch sử. Lễ kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/5/1975 - 30/4/2025), chúng đưa các luận điệu "miền Bắc xâm lược miền Nam", "nội chiến", "ngày quốc hận",... Số đối tượng chống đối chính trị ở hải ngoại phát động phong trào quốc dân đòi trả lại tên Sài Gòn nhân dịp kỷ niệm 50 năm "Tháng Tư đen", kêu gọi người dân trong nước (đặc biệt là ở miền Nam) tổ chức vận động bỏ tên Thành phố Hồ Chí Minh, sử dụng lại tên Sài Gòn<sup>3</sup>. Vì vậy, rèn luyện tư duy phản biện, khả năng kiểm chứng và sàng lọc thông tin là một kỹ năng phải có. Sinh viên cần trang bị cho mình phương pháp tiếp cận thông tin một cách khoa học luôn đặt câu hỏi: "Thông tin ở đâu ra?", "Mục đích của thông tin này là gì?", "Có bằng chứng, dữ kiện nào khác không?". Đây cũng là tiếp thu bài học "thực hiện sách lược phân hóa, cô lập để giành thắng lợi từng bước". Từ đó, sinh viên có thể phân hóa thông tin trong thời đại mới: phân hóa, cô lập những luồng thông tin độc hại, bảo vệ sự đúng đắn của thông tin thật. Sinh viên phản bác luận điệu xuyên tạc hoặc không tham gia vào các phần tử đó để xuyên tạc Việt Nam thì cũng là góp một phần vào công cuộc chống lại âm mưu phá hoại đất nước của thế lực thù địch. Hiện nay có nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo đã được sinh viên triển khai. Chẳng hạn, các chiến dịch truyền thông như Tin tốt, câu chuyện đẹp trên các trang fanpage

<sup>1</sup> Bài viết Khai mạc Hội thi 'Ánh sáng soi đường' toàn quốc năm 2023, (18/5/2023), Trang Báo Điện Tử Chính Phủ, Phương Liên: <https://baochinhphu.vn/khai-mac-hoi-thi-anh-sang-soi-duong-toan-quoc-nam-2023-102230518143306912.htm>

<sup>2</sup> Digital 2024: Viet Nam, (23/2/2024), trang datareportal: <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>

<sup>3</sup> Bài viết Nhận diện, đấu tranh với những luận điệu mới của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị lợi dụng dịp kỉ niệm các sự kiện lịch sử nổi bật diễn ra trong năm 2025 để chống Đảng, Nhà nước (13/6/2025), cổng thông tin điện tử công an tỉnh Thái Bình, Trần Bích <https://congan.thaibinh.gov.vn/tin-hoat-dong-cua-catp/chuyen-de-chuyen-muc/nhan-dien-dau-tranh-voi-nhung-luan-dieu-moi-cua-cac-the-luc-.html>



của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các trường nhằm lan tỏa những thông tin tích cực, lấy cái đẹp dẹp cái xấu. Các nhóm sinh viên tình nguyện chuyên kiểm chứng thông tin đã xuất hiện, giúp cộng đồng mạng nhận diện tin giả liên quan đến các vấn đề nóng như dịch bệnh, tình hình Biển Đông, hay các chính sách của Nhà nước. Những hành động này đã phần nào xóa bỏ bớt đi các thông tin sai sự thật, luận điệu xuyên tạc.

Hai là, giá trị về ý thức tự cường và nhận thức sâu sắc về vai trò của nội lực, tạo động lực cho quá trình tự hoàn thiện bản thân, để đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Bài học về tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh và chủ động chuẩn bị cho mọi tình huống của giai đoạn 1945-1946 thì ngày nay được chuyển hóa thành nhiệm vụ là trang bị hành trang tri thức và kỹ năng cho bản thân. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, sinh viên phải hiểu rõ rằng tri thức là vũ khí kháng chiến trong thời đại mới. Nếu thế hệ trước cầm vũ khí bảo vệ nền độc lập dân tộc thì thế hệ ngày nay phải cầm tri thức, công nghệ và sáng tạo để bảo vệ chủ quyền và bản sắc văn hóa Việt Nam. Nền kinh tế độc lập, tự chủ trong kỷ nguyên số mà Việt Nam đang hướng tới không thể xây dựng trên một nền tảng nguồn nhân lực chất lượng thấp, thiếu kỹ năng và lạc hậu về công nghệ. Vì vậy, học tập để xây dựng năng lực bản thân là nền tảng của nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhiệm vụ trung tâm của sinh viên là học tập. Nhưng học tập trong bối cảnh mới không chỉ đơn thuần là tiếp thu kiến thức trong sách vở, giáo trình. Sinh viên cần thay đổi chuyển từ học thụ động sang chủ động nghiên cứu, sáng tạo. Tiếp đó, kiến thức chuyên ngành phải sâu, nhưng đồng thời phải rộng, có sự hiểu biết liên ngành để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tiễn. Hiện nay, phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên đã phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu tốt. Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học tổ chức hàng năm đã vinh danh hàng trăm công trình xuất sắc, có tính ứng dụng cao trong các lĩnh vực như y dược, công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao, môi trường, kỹ thuật máy. Như giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka lần thứ 26 năm 2024 được triển khai và thực hiện từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024, thu hút 1.903 đề tài của 152 trường đại học, cao đẳng, học viện tại TPHCM và các tỉnh thành khác trong cả nước tham gia. Có 187 đề tài xuất sắc nhất được Ban tổ chức trao giải, trong đó có 15 giải Nhất, 14 giải Nhì, 18 giải Ba và 140 giải Khuyến khích<sup>1</sup>. Những thành tích này chính là minh chứng cho tiềm năng trí tuệ to lớn của thế hệ trẻ Việt Nam, là nguồn lực quý giá để đất nước bứt phá trong CMCN 4.0.

---

<sup>1</sup> Bài viết Trao giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka lần thứ 26 năm 2024, Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh, M.Hiệp: <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/trao-giai-thuong-sinh-vien-nghien-cuu-khoa-hoc-eureka-lan-thu-26-nam-2024-1491931382>

Coi ngoại ngữ và kỹ năng số là để trở thành công dân toàn cầu. Trong một thế giới phẳng, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, không còn là môn học tự chọn mà là một kỹ năng bắt buộc. Nó là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa kho tàng tri thức của nhân loại, là công cụ để giao tiếp, hợp tác và cạnh tranh trên thị trường lao động toàn cầu. Tương tự, kỹ năng số là khả năng sử dụng, quản lý, đánh giá và tạo ra thông tin thông qua công nghệ kỹ thuật số là yêu cầu cơ bản của mọi ngành nghề. "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg đã đặt mục tiêu *"phổ cập kỹ năng số cho người dân, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế"*<sup>1</sup>. Nhận thức được tầm quan trọng này, sinh viên Việt Nam đang nỗ lực cải thiện năng lực ngoại ngữ và kỹ năng số. Các trung tâm ngoại ngữ, các nền tảng học trực tuyến như ELSA Speak, Duolingo có lượng người dùng rất lớn. Nhiều trường đại học đã áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo các chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEIC. Ví dụ, Đại học Quốc gia TP.HCM và nhiều trường lớn khác yêu cầu sinh viên phải đạt chuẩn tiếng Anh 600 TOEIC hoặc tương đương để tốt nghiệp. Về kỹ năng số, các chứng chỉ như IC3, MOS đã trở nên phổ biến, là một lợi thế khi xin việc.

Bên cạnh kiến thức, sinh viên phải chú trọng rèn luyện toàn diện các kỹ năng mềm. Đó là kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng với sự thay đổi. Môi trường đại học với các hoạt động của Đoàn, Hội, các câu lạc bộ, đội, nhóm chính là nơi lý tưởng để sinh viên rèn luyện những kỹ năng này.

Phát huy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tinh thần tự lực, tự cường ngày nay được biểu hiện ở mức độ cao nhất qua tinh thần khởi nghiệp. Khởi nghiệp không chỉ là tạo ra công ăn việc làm cho bản thân mà còn là tạo ra giá trị mới cho xã hội, góp phần xây dựng một nền kinh tế năng động, tự chủ và sáng tạo. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp, tiêu biểu là Đề án 844 "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"<sup>2</sup>. Làn sóng khởi nghiệp trong giới sinh viên Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. Nhiều trường đại học đã thành lập các vườn ươm doanh nghiệp, không gian làm việc chung và tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp quy mô lớn như Startup Wheel, CiC (Creative Idea Challenge). Từ những sân chơi này, nhiều dự án của sinh viên đã thành công và phát triển để giúp các doanh nghiệp. Những câu chuyện thành công là nguồn cảm hứng mãnh liệt, thúc đẩy sinh viên dám nghĩ, dám làm, biến ý tưởng thành hiện thực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

---

<sup>1</sup> Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (3/6/2020) Phê duyệt: Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-749-QĐ-TTg-2020-phe-duyet-Chuong-trình-Chuyen-doi-so-quoc-gia-444136.aspx>

<sup>2</sup> Quyết định số: 844/QĐ-TTg, (18/5/2016), về việc phê duyệt đề án "hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025": <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-844-QĐ-TTg-de-an-ho-tro-he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-quoc-gia-den-2025-2016-311936.aspx>

Ba là, bài học về sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, lòng yêu nước, từ đó gắn liền với tinh thần cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và rộng ra là sự hợp tác quốc tế.

Bài học về sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vốn là chìa khóa đưa dân tộc ta đến thắng lợi trong các cuộc kháng chiến, ngày nay đang được phát huy để củng cố khối thống nhất toàn dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phân hóa lợi ích và nguy cơ chia rẽ từ các thế lực thù địch. Cũng giống như lớp người đi trước đã thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, sinh viên hôm nay cần khơi dậy và giữ gìn bản lĩnh chính trị, đạo đức, tinh thần yêu nước. Giữa một thế giới nhiều biến động, thì việc học tập lịch sử, học tập bài học từ kháng chiến là cách để hình thành nhận thức công dân, tinh thần phụng sự và lòng trung thành với Tổ quốc. Thành công của mỗi cá nhân không thể tách rời sự phát triển của tập thể, của cộng đồng và của đất nước. Lòng yêu nước của sinh viên không chỉ là niềm tự hào về lịch sử, mà còn là sự thấu cảm với những khó khăn của đồng bào, là ý thức bảo vệ môi trường sống chung, là tinh thần thượng tôn pháp luật để xây dựng một xã hội văn minh. Giá trị này còn giúp sinh viên chuyển hóa lòng yêu nước thành trách nhiệm xã hội.

Sinh viên cần tuân thủ pháp luật, xây dựng hình ảnh con người Việt Nam văn minh. Sức mạnh của một quốc gia được cấu thành từ hình ảnh của mỗi công dân. Một lời nói lịch sự, một hành động đẹp, một cử chỉ tôn trọng pháp luật của một cá nhân có thể để lại ấn tượng tốt đẹp về cả một dân tộc. Ngược lại, những hành vi thiếu văn hóa, ích kỷ, coi thường luật lệ sẽ làm tổn hại đến hình ảnh quốc gia mà biết bao thế hệ đã dày công vun đắp. Các phong trào xây dựng Văn hóa học đường, Sinh viên 5 tốt do Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam phát động đã tạo ra môi trường rèn luyện toàn diện. Các chiến dịch vì cộng đồng như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, hay các phong trào bảo vệ môi trường như Nói không với rác thải nhựa đã thể hiện rõ ý thức trách nhiệm xã hội của sinh viên. Hình ảnh các bạn trẻ xếp hàng văn minh nơi công cộng, tham gia hiến máu nhân đạo, hay tự giác dọn rác sau các sự kiện... dù nhỏ bé nhưng có sức lan tỏa lớn, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.

Chủ động tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi quốc tế. Đại đoàn kết không chỉ còn bó hẹp trong phạm vi quốc gia, mà đã mở rộng thành tinh thần đoàn kết, hữu nghị với thanh niên và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Hợp tác và đấu tranh không chỉ diễn ra trên bàn đàm phán của các nhà ngoại giao, mà còn thể hiện trong từng hành động, ứng xử của mỗi công dân khi bước ra thế giới, góp phần xây dựng sức mạnh mềm quốc gia. Hội nhập quốc tế không phải là một khái niệm trừu tượng. Đối với sinh viên, nó bắt đầu từ những hành động cụ thể như tham gia các chương trình trao đổi, các hội thảo khoa học quốc tế, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng có yếu tố nước ngoài. Mỗi sinh viên, dù học tập trong nước hay du học, đều là một đại sứ mang trên mình hình ảnh, văn hóa và trí tuệ của Việt Nam. Số lượng du học sinh Việt Nam tại các nước ngày càng tăng. Theo thống kê của Bộ

GD-ĐT 2022- 2023, có khoảng 190.000 du học sinh Việt Nam đi học tập tại nước ngoài<sup>1</sup>. Nhiều hội sinh viên Việt Nam tại các quốc gia như Úc, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc hoạt động rất năng nổ, tổ chức thành công nhiều Ngày hội văn hóa Việt Nam, giới thiệu áo dài, nón lá, ẩm thực, âm nhạc dân tộc đến bạn bè quốc tế. Đây chính là những viên gạch xây nên sức mạnh của quốc gia.

Quảng bá văn hóa dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Hội nhập là một quá trình tương tác hai chiều. Một mặt, sinh viên có trách nhiệm lan tỏa những giá trị văn hóa, lịch sử tốt đẹp của dân tộc ra thế giới. Mặt khác, cần phải có bản lĩnh để tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại một cách có chọn lọc, làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc, tránh nguy cơ bị hòa tan, đánh mất gốc rễ. Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ: *“Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”*<sup>2</sup>. Nhiều sinh viên đã sử dụng các nền tảng mạng xã hội toàn cầu như YouTube, TikTok, Instagram để tạo ra những nội dung sáng tạo, quảng bá vẻ đẹp của đất nước, con người, ẩm thực Việt Nam, thu hút hàng triệu lượt xem từ khắp nơi trên thế giới. Song song đó, sinh viên cũng thể hiện sự tỉnh táo khi tiếp nhận các trào lưu văn hóa ngoại lai. Phải có khả năng phân biệt, phê phán những xu hướng tiêu cực, lệch lạc, đồng thời biết cách Việt hóa những yếu tố tích cực, phù hợp với thuần phong mỹ tục.

Việc ôn lại quá trình cách mạng, nhìn nhận rõ những bài học từ quá trình Đảng giải quyết xung đột với Pháp trước khi quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc (12/1946) kháng chiến chống Pháp, hay thời kỳ đổi mới không chỉ giúp chúng ta tránh lặp lại những sai lầm trong quá khứ mà còn gợi mở những hướng đi mới để xây dựng đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Là sinh viên thời đại mới, chúng em hiểu rằng trách nhiệm của mình không chỉ là học thật tốt mà còn là không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, làm chủ công nghệ và chủ động hội nhập với một tâm thế tự tin và lòng tự tôn dân tộc, để góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ công cuộc phát triển và hội nhập của đất nước.

---

<sup>1</sup> Bài viết gần 190.000 du học sinh Việt Nam đi học tập tại nước ngoài (18/8/2023) ,trang đại biểu nhân dân <https://daibieunhandan.vn/gan-190-000-du-hoc-sinh-viet-nam-di-hoc-tap-tai-nuoc-ngoai-10317309.html>

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 115-116

### **TIÊU KẾT CHƯƠNG 3**

Chương 3 đã tập trung phân tích quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam giải quyết xung đột với thực dân Pháp trước khi phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào tháng 12 năm 1946. Đây là một giai đoạn đầy thử thách, đòi hỏi bản lĩnh và trí tuệ vượt bậc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh để đưa dân tộc vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

Từ quá trình lịch sử này, nhiều bài học kinh nghiệm vô giá đã được đúc kết, có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn: Thứ nhất, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, thực hiện sách lược phân hóa và cô lập chúng để giành thắng lợi từng bước. Thứ hai, nhân nhượng có nguyên tắc, kết hợp khéo léo giữa sự mềm dẻo về sách lược và kiên quyết về chiến lược – nghệ thuật "Dĩ bất biến, ứng vạn biến". Thứ ba, luôn đề cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, kết hợp chặt chẽ đấu tranh ngoại giao với việc chủ động chuẩn bị thực lực cho tình huống chiến tranh xảy ra.

Những bài học kinh nghiệm từ giai đoạn 1945-1946 vẫn giữ nguyên giá trị sâu sắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Bối cảnh thế giới đang chứng kiến tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang tái định hình phương thức sản xuất, làm thay đổi cấu trúc địa kinh tế và địa chính trị toàn cầu, nơi công nghệ và khả năng đổi mới sáng tạo trở thành thước đo quyền lực mới. Toàn cầu hóa kết nối các quốc gia nhưng cũng làm nảy sinh những hình thức cạnh tranh và bất bình đẳng mới.

Trong bối cảnh đó, quyết định phát động kháng chiến toàn quốc năm 1946 không chỉ là một sự kiện lịch sử mà còn mang ý nghĩa quan trọng đối với thế hệ trẻ, đặc biệt là sinh viên. Nhiệm vụ của sinh viên không chỉ là học tập mà còn là quá trình rèn luyện toàn diện để trở thành "chiến sĩ trên mặt trận tri thức, hội nhập và bảo vệ Tổ quốc". Trách nhiệm chính trị và đạo đức trong việc khẳng định và duy trì sự thật lịch sử, là ánh sáng soi đường cho thế hệ trẻ xác định vai trò và trách nhiệm của mình.

## PHẦN KẾT LUẬN

Cuộc đấu tranh chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và thực dân Pháp từ sau Cách mạng Tháng Tám là một giai đoạn lịch sử đặc biệt, thể hiện rõ bản lĩnh, trí tuệ và đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh đất nước đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Đảng đã lựa chọn con đường hòa bình – đàm phán, đối thoại và nhân nhượng có nguyên tắc để tranh thủ thời gian tập hợp lực lượng và củng cố chính quyền non trẻ. Đây là một chiến lược vừa mềm dẻo, vừa kiên định, đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu.

Tuy nhiên, thực dân Pháp với bản chất ngoan cố và hiếu chiến đã liên tiếp vi phạm các thỏa thuận, làm trì hoãn các cuộc đàm phán và mở rộng hành động quân sự ở nhiều địa phương, đỉnh điểm là ra tối hậu thư và thảm sát đồng bào ta. Đảng không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phát động kháng chiến toàn quốc, đây là một quyết định mang tính lịch sử, ý chí kiên cường, long yêu nước và tinh thần sẵn sàng hi sinh của toàn dân tộc.

Từ thực tiễn lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị - ngoại giao đầy cam go, Đảng ta đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị to lớn. Trước hết là sự kiên định mục tiêu độc lập toàn dân tộc và giữ vai trò quyết định tuyệt đối của Đảng, dù trong hoàn cảnh nào cũng không đánh đổi chủ quyền của quốc gia. Bên cạnh đó, bài học về phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc được xem là nền tảng vững chắc cho mọi thắng lợi cách mạng, tạo nên sức mạnh nội sinh giúp đất nước vượt qua khủng hoảng. Đồng thời, kết hợp hài hòa giữ nguyên tắc chiến lược và linh hoạt sách lược, thực hiện đúng tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, sự chu đáo trong khâu chuẩn bị và chiến lược, sẵn sàng cho mọi tình huống kể cả chiến tranh, từ đó không thể phủ nhận sự nhạy bén và bản lĩnh chính trị của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đây là những bài học có giá trị vô cùng to lớn được đánh đổi không chỉ bằng tiền mà cả biết bao mồ hôi, xương máu, nước mắt của đồng bào ta. Những kinh nghiệm quý báu vẫn giữ nguyên giá trị trong thời đại hiện nay, trong công cuộc hội nhập quốc tế sâu rộng Đảng và Nhà nước ta kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; vừa hợp tác vừa đấu tranh để bảo vệ lợi ích quốc gia. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục chủ động, tích cực hội nhập, đồng thời giữ vững chủ quyền, ổn định chính trị và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Là thế hệ sinh viên sinh ra và lớn lên trong hòa bình, nhóm nghiên cứu hiểu rằng những bài học từ cuộc đấu tranh chính trị – ngoại giao năm xưa không chỉ là ký ức lịch sử mà còn là kim chỉ nam cho hành trình học tập, rèn luyện và cống hiến hôm nay. Trong bối cảnh đất nước đang hội nhập sâu rộng vào thế giới, những giá trị như bản lĩnh, tinh thần độc lập – tự chủ, thái độ mềm dẻo nhưng kiên định trong đối ngoại... vẫn là hành trang không thể thiếu. Nhóm nghiên cứu cũng nhận thức rõ rằng, mỗi người trẻ hôm nay không chỉ cần trân trọng





quá khứ, mà còn phải tiếp bước cha ông, tiếp tục hun đúc tinh thần yêu nước, học tập không ngừng, và sẵn sàng đóng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

Từ đó, có thể khẳng định rằng quyết định phát động kháng chiến toàn quốc năm 1946 không chỉ là lựa chọn tất yếu của lịch sử, mà còn là minh chứng rõ nét cho đường lối đúng đắn, bản lĩnh chính trị và trí tuệ chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những giá trị ấy vẫn luôn là ngọn đèn soi sáng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài viết Khai mạc Hội thi 'Ánh sáng soi đường' toàn quốc năm 2023, (18/5/2023), Trang Báo Điện Tử Chính Phủ, Phương Liên: <https://baochinhphu.vn/khai-mac-hoi-thi-anh-sang-soi-duong-toan-quoc-nam-2023-102230518143306912.html>
2. Bài viết Trao giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka lần thứ 26 năm 2024, Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh, M.Hiệp: <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/trao-giai-thuong-sinh-vien-nghien-cuu-khoa-hoc-eureka-lan-thu-26-nam-2024-1491931382>
3. Báo Quân đội nhân dân (2022), Ngày 6-3-1946: Hiệp định Sơ bộ Pháp-Việt được ký kết, <https://www.qdnd.vn/tu-lieu-ho-so/ngay-nay-nam-xua/ngay-6-3-1946-hiep-dinh-so-bo-phap-viet-duoc-ky-ket-687622>, ngày truy cập, 13/07/2025.
4. Báo Quân đội nhân dân (2006), Những mưu đồ và toan tính của các nước lớn đối với Việt Nam thời kỳ cách mạng Tháng Tám. sknc.qdnd.vn. <http://sknc.qdnd.vn/ho-so-tu-lieu/nhung-muu-do-va-toan-tinh-cua-cac-nuoc-lon-doi-voi-viet-nam-thoi-ky-cach-mang-thang-tam-497219>, ngày truy cập, 13/07/2025.
5. Báo Quân đội nhân dân. (2024, 8 tháng 10). Toàn quốc kháng chiến – “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”. <https://www.qdnd.vn/vung-buoc-duoi-quan-ky-quyet-thang/lich-su-quan-doi-nhan-dan-viet-nam/toan-quoc-khang-chien-quyet-tu-de-to-quoc-quyet-sinh-797573>
6. Bộ Công Thương. (2024, 16 tháng 5). Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2023. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/bo-cong-thuong-cong-bo-bao-cao-xuat-nhap-khau-viet-nam-nam-2023.html>
7. Dân Việt. (2014). Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Vừa hợp tác, vừa đấu tranh với Trung Quốc. Truy cập từ <https://danviet.vn/thu-tuong-chinh-phu-nguyen-tan-dung-vua-hop-tac-vua-dau-tranh-voi-trung-quoc-7777505219-d341111.html>
8. Đại biểu Nhân dân (2023), Bài viết gần 190.000 du học sinh Việt Nam đi học tập tại nước ngoài, <https://daibieunhandan.vn/gan-190-000-du-hoc-sinh-viet-nam-di-hoc-tap-tai-nuoc-ngoai-10317309.html>, ngày truy cập, 06/07/2025.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
10. Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương. (2024, 15 tháng 3). Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại, ngoại giao. Trang thông tin điện tử Tỉnh ủy Tuyên Quang <https://tuyenquang.dcs.vn/DetailView/146088/38/Thuc-hien-nhat-quan-duong-loi-doi-ngoai-ngoai-giao.html>
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

12. Đinh Thị Thu Hương (2025, tháng 7 11). *Đẩy mạnh chuyển đổi số ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và định hướng phát triển*. Kinh tế & Dự báo. <https://kinhtevadubao.vn/day-manh-chuyen-doi-so-o-viet-nam-thuc-trang-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien-31331.html>
13. Đỗ Ngọc Hanh. (2025, ngày 18 tháng 5). *Hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng góp phần đưa đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới*. Tạp chí Cộng sản. [https://www.tapchicongsan.org.vn/en\\_US/web/guest/trang-ia-phuong1/-/2018/1085502/view\\_content](https://www.tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/trang-ia-phuong1/-/2018/1085502/view_content)
14. Nghiên Cứu Lịch Sử (2021), *Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945*, <https://nghiencuulichsu.com/2021/03/08/nhat-dao-chinh-phap-ngay-9-thang-3-nam-1945/>, ngày truy cập, 14/07/2025.
15. Nhà xuất bản Sự thật (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. Quân đội Nhân dân. (2025). *Kinh tế Việt Nam khởi sắc*. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/kinh-te-viet-nam-khoi-sac-810350>
17. Quân đội Nhân dân. (2023, 15 tháng 7). *Việt Nam tái khẳng định chủ trương nhất quán về vấn đề Biển Đông*. Quân đội Nhân dân. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/viet-nam-tai-khang-dinh-chu-truong-nhat-quan-ve-van-de-bien-dong-734628congly.vn+3qdnd.vn+3baomoi.com+3>
18. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (3/6/2020) Phê duyệt: Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-749-QĐ-TTg-2020-phe-duyet-Chuong-trinh-Chuyen-doi-so-quoc-gia-444136.aspx>
19. Quyết định số: 844/QĐ-TTg, (18/5/2016), về việc phê duyệt đề án “hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-844-QĐ-TTg-de-an-ho-tro-he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-quoc-gia-den-2025-2016-311936.aspx>
20. Tạp chí Cộng sản. (31/08/2022). *Việt Nam cần sự kết nối, chia sẻ và chung tay của cộng đồng quốc tế*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/en/web/guest/tieu-kiem1/>
21. Tạp chí Cộng sản (2011), *Nghiên cứu – Trao đổi*, <https://tapchicongsan.org.vn/nguyen-cu/-/2018/14324/chien-tranh-phap---viet-bung-no-vi-dau%3F.aspx>, ngày truy cập, 13/07/2025.

22. Thông tấn xã Việt Nam, *Hội nghị trù bị Đà Lạt (19/4-10/5/1946)*, có tại <https://nvsk.vnnet.vn/hoi-nghi-tru-bi-da-lat-19-4-10-5-1946-1-34733.vna>, truy cập ngày 11/07/2025.
23. Thư viện Pháp luật. (23/11/2024). *Chính sách quốc phòng “Bốn không” của Việt Nam trong quan hệ quốc tế gồm gì?* Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A4E60-hd-chinh-sach-quoc-phong-bon-khong-cua-viet-nam-trong-quan-he-quoc-te-gom-gi.html>
24. Trường Chính trị tỉnh Bình Phước (2020), *Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” ngày 25-11-1945: Tầm nhìn chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương*, <https://truongchinhtri.edu.vn/home/thong-tin-tuyen-truyen/chi-thi-khang-chien-kien-quoc-ngay-25-11-1945-tam-nhin-chien-luoc-cua-dang-cong-san-dong-duong-984.html>, truy cập ngày 10/07/2025.
25. Trường Giang (2024), *Bài học từ Hiệp định Sơ bộ năm 1946: Thỏa hiệp có nguyên tắc, ranh giới*, <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/bai-hoc-tu-hiep-dinh-so-bo-nam-1946-thoa-hiep-co-nguyen-tac-ranh-gioi-99690>, ngày truy cập, 16/07/2025.
26. *World Economic Forum. (2020). The Future of Jobs Report 2020.* <https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2020>